

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG GIẢNG DẠY ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2017-2018
(Nhóm GD-1A: Thanh toán vượt giờ)

Viện Điện

Mã ký hiệu: EE

HỌC KỲ 1,2,3

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1	Nguyễn Doãn Phước	1	KSTN	LT	EE4433	Tối ưu hoá và điều khiển tối ưu	96715	KSTN-ĐKTĐ-K58	25	3	60	1	1,5	1	90,00
	Nguyễn Doãn Phước	1	KSTN	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	96716	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	2		1	1,5	1	12,00
	Nguyễn Doãn Phước	1	KSTN	LT	EE4230	Lý thuyết điều khiển II	96746	KSTN-ĐKTĐ-K59	24	3	60	1	1,5	1	90,00
	Nguyễn Doãn Phước	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Nguyễn Doãn Phước	2	KSTN	LT	EE3280	Lý thuyết điều khiển 1	100004	KSTN-ĐKTĐ-K61	23	3	60	1	1,5	1	90,00
	Nguyễn Doãn Phước	2	KSTN	LT	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	99955	KSTN-CĐT-K60	20	3	60	1	1,5	1	90,00
	Nguyễn Doãn Phước	2	KSTN	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp	99914	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	9		1	1,5	1	54,00
	Nguyễn Doãn Phước Total														438,00
2	Nguyễn Thu Hà	1	DHCQ	LT	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	98895	Hàng không-K60C	36	3	60	1	1	1	60,00
	Nguyễn Thu Hà	1	KSTN	LT	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	96782	KSTN-ĐTVT-K60	24	3	60	1	1,5	1	90,00
	Nguyễn Thu Hà	1	DHCQ	LT	EE3550	Điều khiển quá trình	97867	KT ĐK&TĐH-K60	23	3	45	1	1	1	45,00
	Nguyễn Thu Hà	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	3	6		1	1	1	36,00
	Nguyễn Thu Hà	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Nguyễn Thu Hà	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	4	2		1	1	1	16,00
	Nguyễn Thu Hà	1	KSTN	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	96716	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	2		1	1,5	1	12,00
	Nguyễn Thu Hà	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	23	0,25		1	1	1	11,125
	Nguyễn Thu Hà	1	DHCQ	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	330	3	2	1,5	1	1	3,00
	Nguyễn Thu Hà	1	KSTN	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	96815	KSTN-ĐKTĐ-K61	31	3	6	1	1,5	1	9,00
	Nguyễn Thu Hà	2	DHCQ	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102947	ĐT-KT-CNTT-K59	64	2	2	1,1	1	1	2,20
	Nguyễn Thu Hà	2	KSCLC	LT	EE3286	Lý thuyết điều khiển	100134	KSCLC-K60	54	4	60	1,1	1,5	1	99,00
	Nguyễn Thu Hà	2	DHCQ	LT	EE3550	Điều khiển quá trình	102468	KT ĐK&TĐH-K60	121	3	45	1,3	1	1	58,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Thu Hà	2	KSTN	TN	EE3550	Điều khiển quá trình	1 nhóm	Lớp học 102468	19	3	15	0,8	1,2	1	14,40
	Nguyễn Thu Hà	2	KSTN	LT	EE3550	Điều khiển quá trình	99964	KSTN-ĐKTĐ-K60	19	3	45	1	1,5	1	67,50
	Nguyễn Thu Hà	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	1	2		1	1	1	4,00
	Nguyễn Thu Hà	2	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	671275	KT ĐK&TĐH-K59	3	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Thu Hà	2	DHCQ	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	671350	KT ĐK&TĐH-K59	6	2		1	1	1	24,00
	Nguyễn Thu Hà	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	3	6		1	1	1	36,00
	Nguyễn Thu Hà	2	CTTT	DA	EE4910E	Đồ án thiết kế	100046	CTTT-ĐĐT-K59	2	3		1	2	1	24,00
	Nguyễn Thu Hà	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K58	1	6		1	1	1	18,00
	Nguyễn Thu Hà Total														653,73
3	Nguyễn Hoài Nam	1	KSTN	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	96716	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	2		1	1,5	1	12,00
	Nguyễn Hoài Nam	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	4	6		1	1	1	48,00
	Nguyễn Hoài Nam	1	CTTT	LT	EE4319E	Điều khiển mờ và mạng noron	96923	CTTT-ĐKTĐ-K58	22	3	45	1	2	1	90,00
	Nguyễn Hoài Nam	1	DHCQ	LT	EE4420	Điều khiển mờ và mạng noron	97912	TĐH-K58S	78	3	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Hoài Nam	1	DHCQ	LT	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	97998	Cơ điện tử-K60C	72	3	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Hoài Nam	1	DHCQ	LT	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	98220	CN Cơ điện tử-K60C	40	3	60	1	1	1	60,00
	Nguyễn Hoài Nam	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (ĐKTĐ)	669466	Dành cho điều khiển tự động	2	9		1	1	1	36,00
	Nguyễn Hoài Nam	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Nguyễn Hoài Nam	1	DHCQ	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C	179	3	2	1,4	1	1	2,80
	Nguyễn Hoài Nam	1	KSTN	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	96815	KSTN-ĐKTĐ-K61	31	3	4	1	1,5	1	6,00
	Nguyễn Hoài Nam	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	24	0,25		1	1	1	11,50
	Nguyễn Hoài Nam	2	DHCQ	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102361	ĐT-KT-CNTT-K59	61	2	2	1,1	1	1	2,20
	Nguyễn Hoài Nam	2	DHCQ	LT	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	102151	ĐK&TĐH-K59	84	3	60	1,2	1	1	72,00
	Nguyễn Hoài Nam	2	DHCQ	LT	EE4420	Điều khiển mờ và mạng noron	102439	ĐK&TĐH-K59	109	3	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Hoài Nam	2	KSTN	LT	EE4445	Điều khiển mờ và mạng noron	99935	ĐKTN-K59	23	3	60	1	1,5	1	90,00
	Nguyễn Hoài Nam	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	15	2		1	1	1	60,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Hoài Nam	2	DHCQ	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	671350	KT ĐK&TĐH-K59	1	2		1	1	1	4,00
	Nguyễn Hoài Nam	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	11	6		1	1	1	132,00
	Nguyễn Hoài Nam	2	CTTT	DA	EE4910E	Đồ án thiết kế	100046	CTTT-ĐĐT-K59	2	3		1	2	1	24,00
	Nguyễn Hoài Nam	2	KSTN	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp	99914	KSTN-ĐKTĐ-K58	4	9		1	1,5	1	108,00
	Nguyễn Hoài Nam	2	CTTT	DA	EE5142E	Đồ án tốt nghiệp	100031	CTTT-ĐKTĐ-K58	2	10		1	2	1	80,00
	Nguyễn Hoài Nam	3	DHCQ	LT	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	103378	ĐK&TĐH-K59	54	3	60	1,1	1	1	132,00
	Nguyễn Hoài Nam	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K58/59	6	6		1	1	1	108,00
	Nguyễn Hoài Nam Total														1.260,00
4	Chu Đức Việt	1	DHCQ	LT	EE4435	Hệ thống điều khiển số	97881	KT ĐK&TĐH-K59	87	3	45	1,2	1	1	54,00
	Chu Đức Việt	1	DHCQ	LT	EE4401	Thiết kế hệ điều khiển nhúng (BTL)	97884	ĐKTĐ-K59	46	3	60	1,1	1	1	66,00
	Chu Đức Việt	1	CTTT	LT	EE4401E	Thiết kế hệ điều khiển nhúng (BTL)	96924	CTTT-ĐKTĐ-K58	21	3	60	1	2	1	120,00
	Chu Đức Việt	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Chu Đức Việt	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	5	6		1	1	1	60,00
	Chu Đức Việt	1	KSTN	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	96716	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	2		1	1,5	1	12,00
	Chu Đức Việt	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (ĐKTĐ)	669466	Dành cho điều khiển tự động	2	9		1	1	1	36,00
	Chu Đức Việt	1	KSTN	LT	EE4435	Hệ thống điều khiển số	96748	KSTN-ĐKTĐ-K59	24	3	45	1	1,5	1	67,50
	Chu Đức Việt	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99447	VĐ.01,02,03,04-K62S	20	0,25		1	1	1	10,00
	Chu Đức Việt	1	DHCQ	LT	EE1002	Nhập môn công nghệ kỹ thuật điện	97939	CN Kỹ thuật điện-K61C	69	2	2	1,1	1	1	2,20
	Chu Đức Việt	1	KSTN	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	96815	KSTN-ĐKTĐ-K61	31	3	2	1	1,5	1	3,00
	Chu Đức Việt	2	DHCQ	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102360	ĐT-KT-CNTT-K59	70	2	2	1,1	1	1	2,20
	Chu Đức Việt	2	KSTN	DA	EE3810	Đồ án I	99966	KSTN-ĐKTĐ-K60	2	2		1	1,5	1	12,00
	Chu Đức Việt	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	12	2		1	1	1	48,00
	Chu Đức Việt	2	KSTN	LT	EE4401	Thiết kế hệ điều khiển nhúng (BTL)	99931	ĐKTN-K59	23	3	60	1	1,5	1	90,00
	Chu Đức Việt	2	DHCQ	LT	EE4435	Hệ thống điều khiển số	102445	ĐK&TĐH-K59	85	3	45	1,2	1	1	54,00
	Chu Đức Việt	2	DHCQ	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	671350	KT ĐK&TĐH-K59	7	2		1	1	1	28,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Chu Đức Việt	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	3	6		1	1	1	36,00
	Chu Đức Việt	2	KSTN	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp	99914	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	9		1	1,5	1	54,00
	Chu Đức Việt	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (ĐKTĐ)	671285	KT ĐK&TĐH-K58	2	9		1	1	1	36,00
	Chu Đức Việt Total														802,90
5	Đào Phương Nam	1	KSTN	LT	EE4424	Điều khiển hệ Euler-Lagrange	96714	KSTN-ĐKTĐ-K58	25	2	30	1	1,5	1	45,00
	Đào Phương Nam	1	DHCQ	LT	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	98219	CN Cơ điện tử-K60C	88	3	60	1,2	1	1	72,00
	Đào Phương Nam	1	CTTT	LT	EE4230E	Lý thuyết điều khiển tự động 2	96922	CTTT-ĐKTĐ-K58	24	3	60	1	2	1	120,00
	Đào Phương Nam	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	8	2		1	1	1	32,00
	Đào Phương Nam	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (ĐKTĐ)	669466	Dành cho điều khiển tự động	4	9		1	1	1	72,00
	Đào Phương Nam	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Đào Phương Nam	1	KSTN	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	96716	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	2		1	1,5	1	12,00
	Đào Phương Nam	1	DHCQ	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	669453	Dành cho chuyên ngành ĐKTĐ	1	2		1	1	1	4,00
	Đào Phương Nam	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	5	6		1	1	1	60,00
	Đào Phương Nam	1	DHCQ	LT	EE1000	Nhập môn CN KT ĐK và TĐH	97945	CN ĐK&TĐH-K61	120	3	2	1,2	1	1	2,40
	Đào Phương Nam	1	KSTN	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	96815	KSTN-ĐKTĐ-K61	31	3	4	1	1,5	1	6,00
	Đào Phương Nam	1	DHCQ	LT	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	97821	TĐH-K61C	161	3	45	1,4	1	1	63,00
	Đào Phương Nam	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	23	0,25		1	1	1	11,125
	Đào Phương Nam	2	KSTN	DA	EE3810	Đồ án I	99966	KSTN-ĐKTĐ-K60	2	2		1	1,5	1	12,00
	Đào Phương Nam	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	10	2		1	1	1	40,00
	Đào Phương Nam	2	DHCQ	LT	EE4420	Điều khiển mờ và mạng nơron	102440	ĐK&TĐH-K59	96	3	45	1,2	1	1	54,00
	Đào Phương Nam	2	DHCQ	LT	EE4433	Tối ưu hoá và điều khiển tối ưu	102444	ĐK&TĐH-K59	47	3	60	1,1	1	1	66,00
	Đào Phương Nam	2	DHCQ	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	671350	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	8,00
	Đào Phương Nam	2	DHCQ	LT	EE4439	Điều khiển hệ điện cơ	102447	KT ĐK&TĐH-K59	47	4	60	1,1	1	1	66,00
	Đào Phương Nam	2	KSTN	LT	EE4439	Điều khiển hệ điện cơ	99933	KSTN-ĐKTĐ-K59	23	4	60	1	1,5	1	90,00
	Đào Phương Nam	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	7	6		1	1	1	84,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Đào Phương Nam	2	CTTT	DA	EE4910E	Đồ án thiết kế	100046	CTTT-ĐĐT-K59	1	3		1	2	1	12,00
	Đào Phương Nam	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (ĐKTĐ)	671285	KT ĐK&TĐH-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Đào Phương Nam	2	KSTN	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp	99914	KSTN-ĐKTĐ-K58	4	9		1	1,5	1	108,00
	Đào Phương Nam	2	CTTT	DA	EE5142E	Đồ án tốt nghiệp	100031	CTTT-ĐKTĐ-K58	3	10		1	2	1	120,00
	Đào Phương Nam	3	DHCQ	LT	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	103369	Kỳ hè 20173	40	3	45	1	1	1	90,00
	Đào Phương Nam	3	DHCQ	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	674650	KT ĐK&TĐH-K59	1	2		1	1	1	6,00
	Đào Phương Nam	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K57/58	2	6		1	1	1	36,00
	Đào Phương Nam Total														1.321,53
6	Đinh Thị Lan Anh	1	CTTT	LT	EE3550E	Điều khiển quá trình	96921	CTTT-ĐKTĐ-K58	28	3	45	1	2	1	90,00
	Đinh Thị Lan Anh	1	KSTN	LT	EE4416	Hệ sự kiện rời rạc (BTL)	96713	KSTN-ĐKTĐ-K58	25	3	60	1	1,5	1	90,00
	Đinh Thị Lan Anh	1	DHCQ	LT	EE3551	Hệ thống điều khiển quá trình	97955	CN ĐK&TĐH-K60	80	4	45	1,1	1	1	49,50
	Đinh Thị Lan Anh	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Đinh Thị Lan Anh	1	KSTN	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	96716	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	2		1	1,5	1	12,00
	Đinh Thị Lan Anh	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	2	6		1	1	1	24,00
	Đinh Thị Lan Anh	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	21	0,25		1	1	1	10,375
	Đinh Thị Lan Anh	1	KSTN	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	96815	KSTN-ĐKTĐ-K61	31	3	4	1	1,5	1	6,00
	Đinh Thị Lan Anh	2	DHCQ	LT	EE3550	Điều khiển quá trình	102469	KT ĐK&TĐH-K60	102	3	45	1,2	1	1	54,00
	Đinh Thị Lan Anh	2	DHCQ	LT	EE3559	Điều khiển quá trình	102046	KT Hóa học- K59	96	3	45	1,2	1	1	54,00
	Đinh Thị Lan Anh	2	KSTN	DA	EE3810	Đồ án I	99966	KSTN-ĐKTĐ-K60	2	2		1	1,5	1	12,00
	Đinh Thị Lan Anh	2	DHCQ	LT	EE4416	Hệ sự kiện rời rạc (BTL)	103138	ĐK&TĐH-K59 BS	39	3	60	1	1	1	60,00
	Đinh Thị Lan Anh	2	DHCQ	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	671350	KT ĐK&TĐH-K59	7	2		1	1	1	28,00
	Đinh Thị Lan Anh	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	9	6		1	1	1	108,00
	Đinh Thị Lan Anh	2	CTTT	DA	EE4910E	Đồ án thiết kế	100046	CTTT-ĐĐT-K59	2	3		1	2	1	24,00
	Đinh Thị Lan Anh	2	KSTN	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp	99914	KSTN-ĐKTĐ-K58	3	9		1	1,5	1	81,00
	Đinh Thị Lan Anh	2	CTTT	DA	EE5142E	Đồ án tốt nghiệp	100031	CTTT-ĐKTĐ-K58	3	10		1	2	1	120,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Đinh Thị Lan Anh	2	DHCQ	TN	EE3550	Điều khiển quá trình	8 nhóm	Lớp học 102467/68/69	16	3	60	0,7	1	1	42,00
	Đinh Thị Lan Anh	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K58/59	4	6		1	1	1	72,00
	Đinh Thị Lan Anh Total														948,88
7	Đặng Văn Mỹ	1	DHCQ	LT	EE4435	Hệ thống điều khiển số	97879	KT ĐK&TĐH-K59	52	3	45	1,1	1	1	49,50
	Đặng Văn Mỹ	1	DHCQ	LT	EE2080	Lý thuyết điều khiển	97949	CN ĐK&TĐH-K61	79	4	75	1,1	1	1	82,50
	Đặng Văn Mỹ	1	DHCQ	BT	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	97814	TĐH-nhóm 2-K61C	85	3	15	1,2	1	1	18,00
	Đặng Văn Mỹ	1	DHCQ	BT	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	97822	TĐH-nhóm 3-K61C	76	3	15	1,1	1	1	16,50
	Đặng Văn Mỹ	1	CTTT	BT	EE3550E	Điều khiển quá trình	96921	CTTT-ĐKTĐ-K58	28	3	15	1	2	1	30,00
	Đặng Văn Mỹ	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Đặng Văn Mỹ	1	KSTN	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	96716	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	2		1	1,5	1	12,00
	Đặng Văn Mỹ	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	2	6		1	1	1	24,00
	Đặng Văn Mỹ	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	23	0,25		1	1	1	11,125
	Đặng Văn Mỹ	1	KSTN	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	96815	KSTN-ĐKTĐ-K61	12	0,25		1	1,5	1	9,00
	Đặng Văn Mỹ	2	DHCQ	LT	EE2080	Lý thuyết điều khiển	102348	CN ĐK&TĐH-K61	33	4	75	1	1	1	75,00
	Đặng Văn Mỹ	2	DHCQ	LT	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	102148	ĐK&TĐH-K59	97	3	60	1,2	1	1	72,00
	Đặng Văn Mỹ	2	KSTN	DA	EE3810	Đồ án I	99966	KSTN-ĐKTĐ-K60	2	2		1	1,5	1	12,00
	Đặng Văn Mỹ	2	DHCQ	DA	EE3811	Đồ án I	671273	CN ĐK&TĐH-K60	16	2		1	1	1	64,00
	Đặng Văn Mỹ	2	DHCQ	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	671350	KT ĐK&TĐH-K59	1	2		1	1	1	4,00
	Đặng Văn Mỹ	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	4	6		1	1	1	48,00
	Đặng Văn Mỹ	2	KSTN	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp	99914	KSTN-ĐKTĐ-K58	1	9		1	1,5	1	27,00
	Đặng Văn Mỹ	2	DHCQ	TN	EE3550	Điều khiển quá trình	5 nhóm	Lớp học 102467/68/69	15	3	38	0,6	1	1	22,50
	Đặng Văn Mỹ	2	DHCQ	TN	EE3559	Điều khiển quá trình	6 nhóm	Lớp học 102046	10	3	45	0,5	1	1	22,50
	Đặng Văn Mỹ Total														611,63
8	Vũ Thị Thúy Nga	1	DHCQ	LT	EE4435	Hệ thống điều khiển số	97882	KT ĐK&TĐH-K59	92	3	45	1,2	1	1	54,00
	Vũ Thị Thúy Nga	1	CTTT	LT	EE3280E	Lý thuyết điều khiển tự động I	96945	CTTT-ĐĐT-K59	51	3	60	1,1	2	1	132,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Vũ Thị Thúy Nga	1	CTTT	LT	EE4435E	Hệ thống điều khiển số	96920	CTTT-ĐKTĐ-K58	29	3	60	1	2	1	120,00
	Vũ Thị Thúy Nga	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Vũ Thị Thúy Nga	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	10	2		1	1	1	40,00
	Vũ Thị Thúy Nga	1	KSTN	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	96716	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	2		1	1,5	1	12,00
	Vũ Thị Thúy Nga	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	2	2		1	1	1	8,00
	Vũ Thị Thúy Nga	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	2	6		1	1	1	24,00
	Vũ Thị Thúy Nga	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99447	VĐ.01,02,03,04-K62S	25	0,25		1	1	1	11,875
	Vũ Thị Thúy Nga	1	KSTN	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	96815	KSTN-ĐKTĐ-K61	10	0,25		1	1,5	1	7,50
	Vũ Thị Thúy Nga	1	KSTN	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	96815	KSTN-ĐKTĐ-K61	31	3	4	1	1,5	1	6,00
	Vũ Thị Thúy Nga	1	DHCQ	LT	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99457	VĐ.07,08,09,10-K62S	202	2	16	1,5	1	1	24,00
	Vũ Thị Thúy Nga	2	DHCQ	LT	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	102150	ĐK&TĐH-K59	92	3	60	1,2	1	1	72,00
	Vũ Thị Thúy Nga	2	KSTN	DA	EE3810	Đồ án I	99966	KSTN-ĐKTĐ-K60	2	2		1	1,5	1	12,00
	Vũ Thị Thúy Nga	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	12	2		1	1	1	48,00
	Vũ Thị Thúy Nga	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	10	2		1	1	1	40,00
	Vũ Thị Thúy Nga	2	DHCQ	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	671350	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	8,00
	Vũ Thị Thúy Nga	2	DHCQ	LT	EE4440	Thiết kế hệ thống điều khiển	102448	ĐK&TĐH-K59	49	3	45	1,1	1	1	49,50
	Vũ Thị Thúy Nga	2	KSTN	LT	EE4440	Thiết kế hệ thống điều khiển	99932	ĐKTN-K59	23	3	45	1	1,5	1	67,50
	Vũ Thị Thúy Nga	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	8	6		1	1	1	96,00
	Vũ Thị Thúy Nga	2	CTTT	DA	EE4910E	Đồ án thiết kế	100046	CTTT-ĐĐT-K59	3	3		1	2	1	36,00
	Vũ Thị Thúy Nga	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (ĐKTĐ)	671285	KT ĐK&TĐH-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Vũ Thị Thúy Nga	2	KSTN	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp	99914	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	9		1	1,5	1	54,00
	Vũ Thị Thúy Nga	2	CTTT	DA	EE5142E	Đồ án tốt nghiệp	100031	CTTT-ĐKTĐ-K58	3	10		1	2	1	120,00
	Vũ Thị Thúy Nga	3	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	674549	KT ĐK&TĐH-K60	1	2		1	1	1	6,00
	Vũ Thị Thúy Nga	3	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	674550	KT ĐK&TĐH-K60	2	2		1	1	1	12,00
	Vũ Thị Thúy Nga	3	DHCQ	LT	EE4435	Hệ thống điều khiển số	103382	Kỳ hè 20173	84	3	45	1,2	1	1	108,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Vũ Thị Thúy Nga	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K57	2	6		1	1	1	36,00
	Vũ Thị Thúy Nga Total														1.234,38
9	Vũ Vân Hà	1	DHCQ	LT	EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	97951	CN ĐK&TĐH-K60	85	3	45	1,2	1	1	54,00
	Vũ Vân Hà	1	KSTN	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	96716	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	2		1	1,5	1	12,00
	Vũ Vân Hà	1	DHCQ	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	669453	Dành cho chuyên ngành ĐKTĐ	2	2		1	1	1	8,00
	Vũ Vân Hà	1	DHCQ	LT	EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	97952	CN ĐK&TĐH-K60	62	3	45	1,1	1	1	49,50
	Vũ Vân Hà	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (ĐKTĐ)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	1	9		1	1	1	18,00
	Vũ Vân Hà	1	KSTN	LT	EE4220	Điều khiển logic và PLC	96745	KSTN-ĐKTĐ-K59	24	3	60	1	1,5	1	90,00
	Vũ Vân Hà	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	10	2		1	1	1	40,00
	Vũ Vân Hà	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	3	2		1	1,5	1	18,00
	Vũ Vân Hà	1	KSTN	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	96815	KSTN-ĐKTĐ-K61	31	3	4	1	1,5	1	6,00
	Vũ Vân Hà	1	DHCQ	DA	EE1000	Nhập môn CN KT ĐK và TĐH	97945	CN ĐK&TĐH-K61	25	0,25		1	1	1	11,875
	Vũ Vân Hà	2	DHCQ	LT	EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	102338	CN ĐK&TĐH-K60	48	3	45	1,1	1	1	49,50
	Vũ Vân Hà	2	KSTN	DA	EE3810	Đồ án I	99966	KSTN-ĐKTĐ-K60	2	2		1	1,5	1	12,00
	Vũ Vân Hà	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	18	2		1	1	1	72,00
	Vũ Vân Hà	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Vũ Vân Hà	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (ĐKTĐ)	671285	KT ĐK&TĐH-K58	2	9		1	1	1	36,00
	Vũ Vân Hà	2	KSTN	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp	99914	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	9		1	1,5	1	54,00
	Vũ Vân Hà	2	CTTT	DA	EE5142E	Đồ án tốt nghiệp	100031	CTTT-ĐKTĐ-K58	3	10		1	2	1	120,00
	Vũ Vân Hà Total														662,88
10	Nguyễn Trọng Thuần	1	DHCQ	LT	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	98516	ĐT-MT-K59C	56	3	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Trọng Thuần	1	DHCQ	LT	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	98517	ĐT-MT-K59C	75	3	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Trọng Thuần	1	KSTN	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	96716	KSTN-ĐKTĐ-K58	3	2		1	1,5	1	18,00
	Nguyễn Trọng Thuần	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Nguyễn Trọng Thuần	2	DHCQ	LT	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	101511	Cơ ĐT-K60	80	3	60	1,1	1	1	66,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Trọng Thuần	2	DHCQ	LT	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	101512	Cơ ĐT-K60	77	3	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Trọng Thuần	2	KSTN	LT	EE4409	Tự động hóa quá trình công nghệ	99934	KSTN-ĐKTĐ-K58	23	3	60	1	1,5	1	90,00
	Nguyễn Trọng Thuần Total														384,00
11	Cao Thành Trung	1	DHCQ	LT	EE2080	Lý thuyết điều khiển	97950	CN ĐK&TĐH-K61	83	4	75	1,2	1	1	90,00
	Cao Thành Trung	1	DHCQ	LT	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	97997	Cơ điện tử-K60C	90	3	60	1,2	1	1	72,00
	Cao Thành Trung	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Cao Thành Trung	1	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	669446	Dành cho cử nhân công nghệ	1	2		1	1	1	4,00
	Cao Thành Trung	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (ĐKTĐ)	669466	Dành cho điều khiển tự động	1	9		1	1	1	18,00
	Cao Thành Trung	1	KSTN	DA	EE4438	Đồ án thiết kế hệ thống ĐKTĐ	96716	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	2		1	1,5	1	12,00
	Cao Thành Trung	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	4	6		1	1	1	48,00
	Cao Thành Trung	1	KSTN	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	96815	KSTN-ĐKTĐ-K61	9	0,25		1	1,5	1	6,75
	Cao Thành Trung	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	19	0,25		1	1	1	9,50
	Cao Thành Trung	2	DHCQ	LT	EE2380	Lý thuyết điều khiển I	103136	CN Điện-K61 BS	42	3	60	1,1	1	1	66,00
	Cao Thành Trung	2	DHCQ	LT	EE3551	Hệ thống điều khiển quá trình	102342	CN ĐK&TĐH-K60	74	4	45	1,1	1	1	49,50
	Cao Thành Trung	2	KSTN	DA	EE3810	Đồ án I	99966	KSTN-ĐKTĐ-K60	2	2		1	1,5	1	12,00
	Cao Thành Trung	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	4	6		1	1	1	48,00
	Cao Thành Trung	2	DHCQ	TN	EE3550	Điều khiển quá trình	8 nhóm	Lớp học 102467/68/69	11	3	60	0,5	1	1	30,00
	Cao Thành Trung	2	DHCQ	TN	EE3559	Điều khiển quá trình	2 nhóm	Lớp học 102046	16	3	15	0,7	1	1	10,50
	Cao Thành Trung	3	DHCQ	LT	EE3359	Lý thuyết điều khiển tự động	103379	Kỳ hè 20173	45	3	60	1,1	1	1	132,00
	Cao Thành Trung	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K57	3	6		1	1	1	54,00
	Cao Thành Trung Total														674,25
12	Đỗ Thị Tú Anh	1	KSTN	LT	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	96816	KSTN-ĐKTĐ-K61	30	3	60	1	1,5	1	90,00
	Đỗ Thị Tú Anh	1	CTTT	LT	EE3000E	Tín hiệu và hệ thống	96966	CTTT-ĐĐT-K60	44	4	75	1,1	2	1	165,00
	Đỗ Thị Tú Anh	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	2	6		1	1	1	24,00
	Đỗ Thị Tú Anh	1	DHCQ	LT	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	97801	KT Điện K61C	138	3	45	1,3	1	1	58,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Đỗ Thị Tú Anh	1	DHCQ	LT	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	97812	TĐH K61	172	3	45	1,4	1	1	63,00
	Đỗ Thị Tú Anh	1	KSTN	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	96815	KSTN-ĐKTĐ-K61	31	3	2	1	1,5	1	3,00
	Đỗ Thị Tú Anh	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	21	0,25		1	1	1	10,375
	Đỗ Thị Tú Anh	2	DHCQ	LT	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	102149	ĐK&TĐH-K59	109	3	60	1,2	1	1	72,00
	Đỗ Thị Tú Anh	2	DHCQ	LT	EE3280	Lý thuyết điều khiển I	102152	ĐK&TĐH-K59	101	3	60	1,2	1	1	72,00
	Đỗ Thị Tú Anh	2	KSTN	DA	EE3810	Đồ án I	99966	KSTN-ĐKTĐ-K60	2	2		1	1,5	1	12,00
	Đỗ Thị Tú Anh	2	KSTN	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp	99914	KSTN-ĐKTĐ-K58	2	9		1	1,5	1	54,00
	Đỗ Thị Tú Anh Total														623,88
13	Nguyễn Việt Dũng	1	DHCQ	BT	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	97802	KT Điện-nhóm 1-K61C	84	3	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Việt Dũng	1	DHCQ	BT	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	97813	TĐH-nhóm 1-K61C	87	3	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Việt Dũng	1	DHCQ	BT	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	97803	KT Điện-nhóm 2-K61C	54	3	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Việt Dũng	1	DHCQ	TN	EE3551	Hệ thống điều khiển quá trình	6 nhóm	Lớp học 97955	14	4	45	0,6	1	1	27,00
	Nguyễn Việt Dũng	1	DHCQ	TN	EE4435	Hệ thống điều khiển số	669160	Tổ 12	18	1	15	0,7	1	1	10,50
	Nguyễn Việt Dũng	1	DHCQ	BT	EE2000	Tín hiệu và hệ thống	97823	TĐH-nhóm 4-K61C	85	3	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Việt Dũng	1	KSTN	TN	EE4435	Hệ thống điều khiển số	669165	Tổ 17	24	1	15	0,8	1,2	1	14,40
	Nguyễn Việt Dũng	1	DHCQ	TN	EE4435	Hệ thống điều khiển số	15 nhóm	669149 đến 669164	22	1	225	0,8	1	1	180,00
	Nguyễn Việt Dũng	1	DHCQ	TN	EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	1 nhóm	Mã 669146	10	1	15	0,5	1	1	7,50
	Nguyễn Việt Dũng	1	DHCQ	TN	EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	9 nhóm	Mã 669137 đến 669145	15	1	135	0,6	1	1	81,00
	Nguyễn Việt Dũng	1	DHCQ	TN	EE3550	Điều khiển quá trình	3 nhóm	Lớp học 97867	10	3	22,5	0,5	1	1	11,25
	Nguyễn Việt Dũng	1	DHCQ	TN	EE2080	Lý thuyết điều khiển	10 nhóm	Mã 669121 đến 669129, 669134/35	18	1	150	0,7	1	1	105,00
	Nguyễn Việt Dũng	2	DHCQ	TN	EE2201	Hệ thống và thiết bị điều khiển	3 nhóm	Lớp học 102338	16	3	45	0,7	1	1	31,50
	Nguyễn Việt Dũng	2	DHCQ	TN	EE4435	Hệ thống điều khiển số	5 nhóm	Lớp học 102445	19	3	75	0,8	1	1	60,00
	Nguyễn Việt Dũng	2	DHCQ	TN	EE4439	Điều khiển hệ điện cơ	3 nhóm	Lớp học 102447	16	3	45	0,7	1	1	31,50
	Nguyễn Việt Dũng	2	KSTN	TN	EE4439	Điều khiển hệ điện cơ	1 nhóm	Lớp học 99933	23	3	15	0,8	1,2	1	14,40
	Nguyễn Việt Dũng	2	DHCQ	TN	EE3550	Điều khiển quá trình	1 nhóm	Bổ sung	21	3	7,5	0,8	1	1	6,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Việt Dũng	2	DHCQ	TN	EE3551	Hệ thống điều khiển quá trình	5 nhóm	Lớp học 102342	15	4	37,5	0,6	1	1	22,50
	Nguyễn Việt Dũng	2	DHCQ	TN	EE3559	Điều khiển quá trình	1 nhóm	Lớp học 102046	10	3	7,5	0,5	1	1	3,75
	Nguyễn Việt Dũng	3	DHCQ	TN	EE4435	Hệ thống điều khiển số	4 nhóm	Kỳ hè 20173	19	3	60	0,8	1	1	96,00
	Nguyễn Việt Dũng	3	DHCQ	TN	EE4435	Hệ thống điều khiển số	1 nhóm	Kỳ hè 20173	8	3	15	0,5	1	1	15,00
	Nguyễn Việt Dũng Total														787,80
14	Đoàn Thị Thu Hà	2	DHCQ	TN	EE2080	Lý thuyết điều khiển	2 nhóm	Lớp học 102348	17	4	30	0,7	1	1	21,00
	Đoàn Thị Thu Hà	2	KSCLC	TN	EE3286	Lý thuyết điều khiển	3 nhóm	Lớp học 100134	19	4	45	0,8	1,2	1	43,20
	Đoàn Thị Thu Hà Total														64,20
15	Bùi Đăng Thanh	1	CTTT	LT	EE3009E	Hệ thống truyền thông công nghiệp	96950	CTTT-ĐĐT-K59	44	2	30	1,1	2	1	66,00
	Bùi Đăng Thanh	1	DHCQ	LT	EE3110	Kỹ thuật đo lường	97844	KT ĐK&TĐH-K60	82	3	45	1,2	1	1	54,00
	Bùi Đăng Thanh	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	11	2		1	1	1	44,00
	Bùi Đăng Thanh	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	8	9		1	1	1	144,00
	Bùi Đăng Thanh	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99457	VĐ.07,08,09,10-K62S	22	0,25		1	1	1	10,75
	Bùi Đăng Thanh	2	DHCQ	LT	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	102395	KTĐ-K59	95	3	45	1,2	1	1	54,00
	Bùi Đăng Thanh	2	KSTN	LT	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	99965	KSTN-ĐKTĐ-K60	19	3	45	1	1,5	1	67,50
	Bùi Đăng Thanh	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	15	2		1	1	1	60,00
	Bùi Đăng Thanh	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	10	2		1	1	1	40,00
	Bùi Đăng Thanh	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	2	9		1	1	1	36,00
	Bùi Đăng Thanh Total														576,25
16	Cung Thành Long	1	DHCQ	LT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97815	TĐH-nhóm 1-K61C	171	4	45	1,4	1	1	63,00
	Cung Thành Long	1	DHCQ	BT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97816	TĐH-nhóm 1-K61C	87	4	15	1,2	1	1	18,00
	Cung Thành Long	1	DHCQ	BT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97817	TĐH-nhóm 2-K61C	84	4	15	1,2	1	1	18,00
	Cung Thành Long	1	CTTT	LT	EE3706	Mạch tuyến tính 1	96964	CTTT-ĐĐT-K60	37	3	60	1	2	1	120,00
	Cung Thành Long	1	DHCQ	LT	EE4524	Đo và kiểm tra không phá hủy	97926	KT đo & THCN-K58S	20	2	30	1	1	1	30,00
	Cung Thành Long	1	DHCQ	LT	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99467	VĐ.05,06,15-K62S	149	2	15	1,3	1	1	19,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Cung Thành Long	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99467	VĐ.05,06,15-K62S	21	0,25		1	1	1	10,375
	Cung Thành Long	2	DHCQ	LT	EE2030	Trường điện từ	102368	Điện (2 ngành)-K61	90	2	30	1,2	1	1	36,00
	Cung Thành Long	2	DHCQ	LT	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	102378	Điện (2 ngành)-K61	80	2	30	1,1	1	1	33,00
	Cung Thành Long	2	CTTT	LT	EE3726	Mạch tuyến tính II	100071	CTTT- ĐĐT-K60	49	4	75	1,1	2	1	165,00
	Cung Thành Long	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	14	2		1	1	1	56,00
	Cung Thành Long	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	8,00
	Cung Thành Long Total														576,88
17	Đào Đức Thịnh	1	KSCLC	LT	EE4603	Mạng cục bộ công nghiệp	96838	**KSCLC-THCN-K58C	10	2	45	1	1,5	1	67,50
	Đào Đức Thịnh	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	3	9		1	1	1	54,00
	Đào Đức Thịnh	1	DHCQ	DA	EE3811	Đồ án I	669445	Dành cho cử nhân công nghệ	13	2		1	1	1	52,00
	Đào Đức Thịnh	1	DHCQ	LT	EE3059	Cảm biến đo lường và xử lý tín hiệu đo	98058	Cơ điện tử-K59S	108	2	45	1,2	1	1	54,00
	Đào Đức Thịnh	1	DHCQ	DA	EE1000	Nhập môn CN KT ĐK và TĐH	97945	CN ĐK&TĐH-K61	22	0,25		1	1	1	10,75
	Đào Đức Thịnh	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	19	2		1	1	1	76,00
	Đào Đức Thịnh	2	DHCQ	LT	EE4528	Đo lường nâng cao	102456	KT ĐK&TĐH-K59	28	2	45	1	1	1	45,00
	Đào Đức Thịnh	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	3	2		1	1	1	12,00
	Đào Đức Thịnh	2	DHCQ	LT	EE4550	Mạng tốc độ cao	102458	KT ĐK&TĐH-K59	96	3	60	1,2	1	1	72,00
	Đào Đức Thịnh	2	KSCLC	DA	EE5602	Đồ án tốt nghiệp	100104	KSCLC-THCN-K58	1	10		1	1,5	1	30,00
	Đào Đức Thịnh	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	3	9		1	1	1	54,00
	Đào Đức Thịnh	3	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	674553	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	12,00
	Đào Đức Thịnh Total														539,25
18	Hoàng Sĩ Hồng	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	4	9		1	1	1	72,00
	Hoàng Sĩ Hồng	1	KSCLC	LT	EE4610	Cảm biến và đo lường thông minh	96844	**KSCLC-THCN-K58C	9	2	45	1	1,5	1	67,50
	Hoàng Sĩ Hồng	1	DHCQ	LT	EE4502	Kỹ thuật cảm biến	97911	KT đo và THCN-K58S	69	3	60	1,1	1	1	66,00
	Hoàng Sĩ Hồng	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	6	2		1	1	1	24,00
	Hoàng Sĩ Hồng	1	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	669452	Chuyên ngành KTĐ&THCN	1	2		1	1	1	4,00

THÔNG TIN CÁN BỘ			KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI									KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Hoàng Sĩ Hồng	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	23	0,25		1	1	1	11,125
	Hoàng Sĩ Hồng	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	14	2		1	1	1	56,00
	Hoàng Sĩ Hồng	2	DHCQ	LT	EE4502	Kỹ thuật cảm biến	102449	KT ĐK&TĐH-K59	41	3	60	1,1	1	1	66,00
	Hoàng Sĩ Hồng	2	CTTT	LT	EE3110E	Kỹ thuật đo lường	100073	CTTT-ĐĐT-K60	38	3	22,5	1	2	1	45,00
	Hoàng Sĩ Hồng	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	7	2		1	1	1	28,00
	Hoàng Sĩ Hồng	2	CTTT	DA	EE4910E	Đồ án thiết kế	100046	CTTT-ĐĐT-K59	3	3		1	2	1	36,00
	Hoàng Sĩ Hồng	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Hoàng Sĩ Hồng	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	5	9		1	1	1	90,00
	Hoàng Sĩ Hồng	3	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	674550	KT ĐK&TĐH-K60	1	2		1	1	1	6,00
	Hoàng Sĩ Hồng Total														583,63
19	Lê Công Cường	1	DHCQ	LT	EE2110	Điện tử tương tự	97868	Điện (2 ngành)-K60S	78	3	45	1,1	1	1	49,50
	Lê Công Cường	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	1	9		1	1	1	18,00
	Lê Công Cường	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	24	0,25		1	1	1	11,50
	Lê Công Cường	2	DHCQ	LT	EE2130	Thiết kế hệ thống số	102381	Điện (2 ngành)-K61	74	3	45	1,1	1	1	49,50
	Lê Công Cường	2	KSTN	LT	EE2130	Thiết kế hệ thống số	100007	KSTN-ĐKTĐ-K61	23	3	45	1	1,5	1	67,50
	Lê Công Cường	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	1	2		1	1	1	4,00
	Lê Công Cường	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	2	9		1	1	1	36,00
	Lê Công Cường Total														236,00
20	Lê Minh Thùy	1	KSCLC	LT	EE3676	Thiết bị đo điện tử	96870	**KSCLC-THCN, HTTT&TT-K59S	31	3	60	1	1,5	1	90,00
	Lê Minh Thùy	1	DHCQ	LT	EE3480	Vi xử lý	97855	KT ĐK&TĐH-K60	91	3	45	1,2	1	1	54,00
	Lê Minh Thùy	1	KSCLC	TN	EE3676	Thiết bị đo điện tử	2 nhóm	Mã lớp 669188/89	8	1	30	0,5	1,2	1	18,00
	Lê Minh Thùy	1	KSCLC	TN	EE3676	Thiết bị đo điện tử	1 nhóm	669823	16	1	15	0,7	1,2	1	12,60
	Lê Minh Thùy	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	1	9		1	1	1	18,00
	Lê Minh Thùy	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	8	2		1	1	1	32,00
	Lê Minh Thùy	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	12	2		1	1	1	48,00

[illegible]

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
22	Nguyễn Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	97875	TB điện-K59C	25	3	45	1	1	1	45,00
	Nguyễn Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE4513	Quản lý công nghiệp	97927	KT đo & THCN-K58S	42	2	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Anh Tuấn	1	KSCLC	LT	EE4606	Đánh giá hiệu năng của các quá trình sx	96841	KSCLC THCN k58C	9	2	30	1	1,5	1	45,00
	Nguyễn Anh Tuấn	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C	23	0,25		1	1	1	11,125
	Nguyễn Anh Tuấn	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C (sv quốc tế)	1	0,25		1	1	1	0,50
	Nguyễn Anh Tuấn	2	DHCQ	LT	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	102396	KTĐ-K59	101	3	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Anh Tuấn	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	9	2		1	1	1	36,00
	Nguyễn Anh Tuấn	2	DHCQ	LT	EE4513	Quản lý công nghiệp	102450	KT ĐK&TĐH-K59	43	2	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Anh Tuấn	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	1	2		1	1	1	4,00
	Nguyễn Anh Tuấn	2	KSCLC	DA	EE5602	Đồ án tốt nghiệp	100104	KSCLC-THCN-K58	1	10		1	1,5	1	30,00
	Nguyễn Anh Tuấn Total														324,63
23	Nguyễn Cảnh Quang	1	CTTT	LT	EE3736	Điện tử I	96935	CTTT-CĐT-K59	50	4	75	1,1	2	1	165,00
	Nguyễn Cảnh Quang	1	KSCLC	LT	EE4605	Mô hình hoá các hệ thống rời rạc	96840	***KSCLC-THCN-K58C	9	2	45	1	1,5	1	67,50
	Nguyễn Cảnh Quang	1	DHCQ	LT	EE3480	Vi xử lý	97857	KT ĐK&TĐH-K60	82	3	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Cảnh Quang	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	23	0,25		1	1	1	11,125
	Nguyễn Cảnh Quang	2	DHCQ	LT	EE2111	Điện tử tương tự & số	102350	CN ĐK&TĐH-K61	83	4	60	1,2	1	1	72,00
	Nguyễn Cảnh Quang	2	CTTT	LT	EE3756	Thiết kế hệ thống số	100037	CTTT-CĐT-K59	61	3	75	1,1	2	1	165,00
	Nguyễn Cảnh Quang	2	CTTT	LT	EE3746	Điện tử II	100038	CTTT-CĐT-K59	54	4	75	1,1	2	1	165,00
	Nguyễn Cảnh Quang	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	18	2		1	1	1	72,00
	Nguyễn Cảnh Quang	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	1	2		1	1	1	4,00
	Nguyễn Cảnh Quang	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	2	9		1	1	1	36,00
	Nguyễn Cảnh Quang Total														811,63
24	Nguyễn Công Phương	1	DHCQ	BT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97825	TĐH-nhóm 3-K61C	83	4	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Công Phương	1	DHCQ	BT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97826	TĐH-nhóm 4-K61C	85	4	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Công Phương	1	DHCQ	LT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97824	TĐH K61	168	4	45	1,4	1	1	63,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Công Phương	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	25	0,25		1	1	1	11,875
	Nguyễn Công Phương	1	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	669452	Chuyên ngành KTĐ&THCN	1	2		1	1	1	4,00
	Nguyễn Công Phương	1	CTTT	LT	EE3033E	Nguyên lý trường điện từ	96962	CTTT-ĐĐT-K60	40	4	75	1	2	1	150,00
	Nguyễn Công Phương	1	DHCQ	LT	EE2030	Trường điện từ	99006	BS-Học phí cao-KTĐ-K58S	9	3	60	1	1	1	60,00
	Nguyễn Công Phương	1	DHCQ	DA	EE3811	Đồ án I	669445	Dành cho cử nhân công nghệ	11	2		1	1	1	44,00
	Nguyễn Công Phương	2	DHCQ	LT	EE2030	Trường điện từ	102365	Điện (2 ngành)-K61	97	2	30	1,2	1	1	36,00
	Nguyễn Công Phương	2	DHCQ	LT	EE2030	Trường điện từ	102369	Điện (2 ngành)-K61	92	2	30	1,2	1	1	36,00
	Nguyễn Công Phương	2	DHCQ	LT	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	102376	Điện (2 ngành)-K61	95	2	30	1,2	1	1	36,00
	Nguyễn Công Phương	2	DHCQ	LT	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	102379	Điện (2 ngành)-K61	96	2	30	1,2	1	1	36,00
	Nguyễn Công Phương	2	DHCQ	LT	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	102380	Điện (2 ngành)-K61	78	2	30	1,1	1	1	33,00
	Nguyễn Công Phương	2	DHCQ	DA	EE3811	Đồ án I	671273	CN ĐK&TĐH-K60	14	2		1	1	1	56,00
	Nguyễn Công Phương	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	8,00
	Nguyễn Công Phương	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Nguyễn Công Phương	3	DHCQ	DA	EE3811	Đồ án I	674551	CN ĐK&TĐH-K59/60	12	2		1	1	1	72,00
	Nguyễn Công Phương Total														699,88
25	Nguyễn Hoàng Nam	1	DHCQ	LT	EE3509	Kỹ thuật đo lường	97610	KT Hạt nhân-K60S	40	3	45	1	1	1	45,00
	Nguyễn Hoàng Nam	1	KSCLC	LT	EE4608	Đo và điều khiển công nghiệp	96843	**KSCLC-THCN-K58C	10	3	45	1	1,5	1	67,50
	Nguyễn Hoàng Nam	1	DHCQ	LT	EE4525	Vi hệ thống	97928	KT đo & THCN-K58S	34	2	30	1	1	1	30,00
	Nguyễn Hoàng Nam	1	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	669452	Chuyên ngành KTĐ&THCN	1	2		1	1	1	4,00
	Nguyễn Hoàng Nam	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	14	2		1	1	1	56,00
	Nguyễn Hoàng Nam	1	DHCQ	DA	EE3811	Đồ án I	669445	Dành cho cử nhân công nghệ	13	2		1	1	1	52,00
	Nguyễn Hoàng Nam	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	4	9		1	1	1	72,00
	Nguyễn Hoàng Nam	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99447	VĐ.01,02,03,04-K62S	26	0,25		1	1	1	12,25
	Nguyễn Hoàng Nam	2	DHCQ	LT	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	102397	KTĐ-K59	100	3	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Hoàng Nam	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	17	2		1	1	1	68,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Hoàng Nam	2	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	671275	KT ĐK&TĐH-K59	1	2		1	1	1	4,00
	Nguyễn Hoàng Nam	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	7	2		1	1	1	28,00
	Nguyễn Hoàng Nam	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	9	2		1	1	1	36,00
	Nguyễn Hoàng Nam	2	DHCQ	LT	EE4525	Vi hệ thống	102454	KT ĐK&TĐH-K59	68	2	30	1,1	1	1	33,00
	Nguyễn Hoàng Nam	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	3	9		1	1	1	54,00
	Nguyễn Hoàng Nam	3	DHCQ	DA	EE3811	Đồ án I	674551	CN ĐK&TĐH-K59/60	12	2		1	1	1	72,00
	Nguyễn Hoàng Nam Total														687,75
26	Nguyễn Quốc Cường	1	KSCLC	BT	EE4604	Các hệ thống thời gian thực	96839	**KSCLC-THCN-K58C	9	2	30	1	1,5	1	45,00
	Nguyễn Quốc Cường	1	DHCQ	LT	EE4551	Thiết kế hệ thống nhúng	97924	KT đo & THCN-K58S	50	3	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Quốc Cường	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	7	2		1	1	1	28,00
	Nguyễn Quốc Cường	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	2	9		1	1	1	36,00
	Nguyễn Quốc Cường	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	21	0,25		1	1	1	10,375
	Nguyễn Quốc Cường	2	KSTN	LT	EE2110	Điện tử tương tự	100006	KSTN-ĐKTĐ-K61	25	3	45	1	1,5	1	67,50
	Nguyễn Quốc Cường	2	DHCQ	LT	EE2130	Thiết kế hệ thống số	102382	Điện (2 ngành)-K61	126	3	45	1,3	1	1	58,50
	Nguyễn Quốc Cường	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	20	2		1	1	1	80,00
	Nguyễn Quốc Cường	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	8	2		1	1	1	32,00
	Nguyễn Quốc Cường	2	DHCQ	LT	EE4551	Thiết kế hệ thống nhúng	102459	KT ĐK&TĐH-K59	54	3	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Quốc Cường	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	3	9		1	1	1	54,00
	Nguyễn Quốc Cường	2	KSCLC	DA	EE5602	Đồ án tốt nghiệp	100104	KSCLC-THCN-K58	1	10		1	1,5	1	30,00
	Nguyễn Quốc Cường Total														573,38
27	Nguyễn Tuấn Ninh	1	KSCLC	LT	EE3596	Điện tử tương tự và ứng dụng	96887	**KSCLC-THCN, HTTT&TT-K60S	37	4	45	1	1,5	1	67,50
	Nguyễn Tuấn Ninh	1	DHCQ	LT	EE3480	Vi xử lý	97858	KT ĐK&TĐH-K60	82	3	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Tuấn Ninh	1	DHCQ	DA	EE3811	Đồ án I	669445	Dành cho cử nhân công nghệ	13	2		1	1	1	52,00
	Nguyễn Tuấn Ninh	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	4	2		1	1	1	16,00
	Nguyễn Tuấn Ninh	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	3	9		1	1	1	54,00

[illegible]

[illegible]

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
31	Trần Nguyên Hanh	1	DHCQ	TN	EE2110	Điện tử tương tự	4 nhóm	Lớp học 97868	20	3	60	0,8	1	1	48,00
	Trần Nguyên Hanh	1	DHCQ	TN	EE2110	Điện tử tương tự	665749	Tổ 03	17	1	15	0,7	1	1	10,50
	Trần Nguyên Hanh	1	DHCQ	TN	EE3596	Điện tử tương tự và ứng dụng	2 nhóm	669181/82	20	1	30	0,8	1	1	24,00
	Trần Nguyên Hanh	1	DHCQ	TN	EE3480	Vi xử lý	8/22 nhóm	Mã lớp 665753 đến 665782	19	3	120	0,8	1	1	96,00
	Trần Nguyên Hanh	2	DHCQ	TN	EE2110	Điện tử tương tự	23 nhóm	Lớp học 102370/71/72/73/74	19	3	345	0,8	1	1	276,00
	Trần Nguyên Hanh	2	DHCQ	TN	EE2110	Điện tử tương tự	03 nhóm	Lớp học 102370/71/72/73/74	19	3	45	0,8	1	1	36,00
	Trần Nguyên Hanh	2	KSTN	TN	EE2110	Điện tử tương tự	1 nhóm	Lớp học 100006	25	3	15	0,8	1,2	1	14,40
	Trần Nguyên Hanh	2	KSTN	TN	EE2130	Thiết kế hệ thống số	1 nhóm	Lớp học 100007	23	3	15	0,8	1,2	1	14,40
	Trần Nguyên Hanh	2	DHCQ	TN	EE3840	Vi xử lý	6 nhóm	Lớp học 102461/62	20	3	90	0,8	1	1	72,00
	Trần Nguyên Hanh	2	KSCLC	TN	EE4602	Vi xử lý	2 nhóm	Lớp học 100124	17	3	30	0,7	1,2	1	25,20
	Trần Nguyên Hanh	3	KSCLC	TN	EE3596	Điện tử tương tự và ứng dụng		Kỳ hè	17		45	0,7	1,2	1	69,30
	Trần Nguyên Hanh Total	1													685,80
32	Nguyễn Văn Thúc	1	DHCQ	TN	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	1 nhóm	669172	21	1	15	0,8	1	1	12,00
	Nguyễn Văn Thúc	1	DHCQ	TN	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	3 nhóm	Mã lớp 669169/ đến 669172	21	1	45	0,8	1	1	36,00
	Nguyễn Văn Thúc	1	DHCQ	TN	EE3617	Mạch và năng lượng điện	669184	Tổ 1	17	1	15	0,7	1	1	10,50
	Nguyễn Văn Thúc	1	KSTN	TN	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	2 nhóm	669723 KSTN K61	23	1	30	0,8	1,2	1	28,80
	Nguyễn Văn Thúc	1	KSTN	TN	EE2030	Trường điện từ	1 nhóm	669167 KSTN K60	24	1	15	0,8	1,2	1	14,40
	Nguyễn Văn Thúc	1	DHCQ	TN	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	6 nhóm	665727/35/37/43/44/45	21	1	90	0,8	1	1	72,00
	Nguyễn Văn Thúc	1	DHCQ	TN	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	29/35 nhóm	665711 đến 665742	20	1	435	0,8	1	1	348,00
	Nguyễn Văn Thúc	2	DHCQ	TN	EE2030	Trường điện từ	20 nhóm	Lớp học 201365/66/67/68/69	20	2	300	0,8	1	1	240,00
	Nguyễn Văn Thúc	2	DHCQ	TN	EE2030	Trường điện từ	04 nhóm	Lớp học 201365/66/67/68/69	20	2	60	0,8	1	1	48,00
	Nguyễn Văn Thúc	2	DHCQ	TN	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	7 nhóm	Lớp học 102363/64	19	4	105	0,8	1	1	84,00
	Nguyễn Văn Thúc	2	DHCQ	TN	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	1 nhóm	672151	19	4	15	0,8	1	1	12,00
	Nguyễn Văn Thúc	2	DHCQ	TN	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	11 nhóm	Lớp học 102375/76/77/78/79/80	19	2	165	0,8	1	1	132,00
	Nguyễn Văn Thúc	2	DHCQ	TN	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	03 nhóm	Lớp học 102375/76/77/78/79/80	19	2	45	0,8	1	1	36,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Văn Thực	2	KSTN	TN	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	01 nhóm	Lớp học 100003	25	2	15	0,8	1,2	1	14,40
	Nguyễn Văn Thực Total														1.088,10
33	Nguyễn Việt Sơn	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	1	9		1	1	1	18,00
	Nguyễn Việt Sơn	1	DHCQ	LT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97804	KT Điện-nhóm 1-K61C	144	4	45	1,3	1	1	58,50
	Nguyễn Việt Sơn	1	DHCQ	BT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97805	KT Điện-nhóm 1-K61C	85	4	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Việt Sơn	1	DHCQ	BT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97806	KT Điện-nhóm 2-K61C	59	4	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Việt Sơn	1	CTTT	LT	EE3706	Mạch tuyến tính I	96956	CTTT-CĐT-K60	39	3	60	1	2	1	120,00
	Nguyễn Việt Sơn	1	CTTT	TN	EE3716	TN Mạch tuyến tính I	96957	CTTT-CĐT-K60	22	1	15	0,8	1,5	1	18,00
	Nguyễn Việt Sơn	2	DHCQ	LT	EE2030	Trường điện từ	102367	Điện (2 ngành)-K61	95	2	30	1,2	1	1	36,00
	Nguyễn Việt Sơn	2	DHCQ	LT	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	102377	Điện (2 ngành)-K61	86	2	30	1,2	1	1	36,00
	Nguyễn Việt Sơn	2	CTTT	LT	EE3726	Mạch tuyến tính II	100061	CTTT-CĐT-K60	25	4	75	1	2	1	150,00
	Nguyễn Việt Sơn	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	18	2		1	1	1	72,00
	Nguyễn Việt Sơn	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	8,00
	Nguyễn Việt Sơn	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Nguyễn Việt Sơn Total														569,00
34	Phạm Thị Ngọc Yên	1	KSCLC	LT	EE3616	Biến đổi tín hiệu số và ứng dụng	96882	**KSCLC-THCN, HTTT&TT-K60C	38	4	75	1	1,5	1	112,50
	Phạm Thị Ngọc Yên	1	KSTN	LT	EE3110	Kỹ thuật đo lường	96773	KSTN-ĐKTĐ-K60	19	3	45	1	1,5	1	67,50
	Phạm Thị Ngọc Yên	1	DHCQ	LT	EE4250	Xử lý tín hiệu	97896	THCN-K59C	101	3	60	1,2	1	1	72,00
	Phạm Thị Ngọc Yên	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	2	9		1	1	1	36,00
	Phạm Thị Ngọc Yên	2	KSCLC	LT	EE3626	Cảm biến và thiết bị đo	100144	KSCLC-THCN-K60	19	2	30	1	1,5	1	45,00
	Phạm Thị Ngọc Yên	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	8,00
	Phạm Thị Ngọc Yên	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Phạm Thị Ngọc Yên Total														359,00
35	Trần Hoài Linh	1	DHCQ	LT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97936	CN Kỹ thuật điện 1-K61C	72	4	45	1,1	1	1	49,50
	Trần Hoài Linh	1	DHCQ	BT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97937	CN Kỹ thuật điện 1-K61C	72	4	15	1,1	1	1	16,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Trần Hoài Linh	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	1	9		1	1	1	18,00
	Trần Hoài Linh	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	5	2		1	1	1	20,00
	Trần Hoài Linh	1	KSCLC	LT	EE4611	An ninh và quản trị mạng	96845	***KSCLC-THCN-K58C	10	3	45	1	1,5	1	67,50
	Trần Hoài Linh	1	DHCQ	LT	EE4611	An ninh và quản trị mạng	97929	KT đo & THCN-K58S	31	3	45	1	1	1	45,00
	Trần Hoài Linh	1	KSCLC	LT	EE3617	Mạch và năng lượng điện	96881	***KSCLC-THCN-K60C	18	3	45	1	1,5	1	67,50
	Trần Hoài Linh	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	2	9		1	1	1	36,00
	Trần Hoài Linh	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	22	0,25		1	1	1	10,75
	Trần Hoài Linh	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	4	2		1	1	1	16,00
	Trần Hoài Linh	2	DHCQ	LT	EE4519	Mạng noron & UD trong xử lý tín hiệu	102452	KT ĐK&TĐH-K59	62	2	30	1,1	1	1	33,00
	Trần Hoài Linh	2	DHCQ	LT	EE4611	An ninh và quản trị mạng	102460	KT ĐK&TĐH-K59	28	3	45	1	1	1	45,00
	Trần Hoài Linh Total														424,75
36	Trần Thị Anh Xuân	1	KSTN	LT	EE3480	Vi xử lý	96776	KSTN-ĐKTĐ-K60	19	3	45	1	1,5	1	67,50
	Trần Thị Anh Xuân	1	DHCQ	LT	EE3480	Vi xử lý	97854	KT ĐK&TĐH-K60	91	3	45	1,2	1	1	54,00
	Trần Thị Anh Xuân	1	DHCQ	DA	EE3811	Đồ án I	669445	Dành cho cử nhân công nghệ	12	2		1	1	1	48,00
	Trần Thị Anh Xuân	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	1	2		1	1	1	4,00
	Trần Thị Anh Xuân	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	1	9		1	1	1	18,00
	Trần Thị Anh Xuân	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99447	VĐ.01,02,03,04-K62S	23	0,25		1	1	1	11,125
	Trần Thị Anh Xuân	2	DHCQ	LT	EE3480	Vi xử lý	102461	KT ĐK&TĐH-K60	80	3	45	1,1	1	1	49,50
	Trần Thị Anh Xuân	2	DHCQ	LT	EE3480	Vi xử lý	102462	KT ĐK&TĐH-K60	40	3	45	1	1	1	45,00
	Trần Thị Anh Xuân	2	KSCLC	LT	EE3656	Điện tử số	100135	KSCLC-THCN,HTTT-K60	39	3	45	1	1,5	1	67,50
	Trần Thị Anh Xuân	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	19	2		1	1	1	76,00
	Trần Thị Anh Xuân	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	8,00
	Trần Thị Anh Xuân	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Trần Thị Anh Xuân	2	KSCLC	DA	EE5602	Đồ án tốt nghiệp	100104	KSCLC-THCN-K58	1	10		1	1,5	1	30,00
	Trần Thị Anh Xuân	3	KSCLC	DA	EE5602	Đồ án tốt nghiệp		KSCLC-THCN-K58	1	10		1	1,5	1	40,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Trần Thị Anh Xuân Total														536,63
37	Trần Thị Thảo	1	DHCQ	LT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97946		131	4	45	1,3	1	1	58,50
	Trần Thị Thảo	1	DHCQ	BT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97947	CN ĐK&TĐH-K61	80	4	15	1,1	1	1	16,50
	Trần Thị Thảo	1	DHCQ	BT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	97948	CN ĐK&TĐH-K61	51	4	15	1,1	1	1	16,50
	Trần Thị Thảo	1	DHCQ	LT	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	97869	70/71	83	2	30	1,2	1	1	36,00
	Trần Thị Thảo	1	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	669443	Dành cho cử nhân kỹ thuật điện (Therboonne Xaydakoo)	1	2		1	1	1	4,00
	Trần Thị Thảo	1	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	669443	Dành cho cử nhân kỹ thuật điện	9	2		1	1	1	36,00
	Trần Thị Thảo	1	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	669452	Chuyên ngành KTĐ&THCN	1	2		1	1	1	4,00
	Trần Thị Thảo	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99447	VĐ.01,02,03,04-K62S	24	0,25		1	1	1	11,50
	Trần Thị Thảo	2	DHCQ	LT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	102363	Điện (2 ngành)-K61	75	4	60	1,1	1	1	66,00
	Trần Thị Thảo	2	DHCQ	LT	EE2020	Lý thuyết mạch điện I	102364	Điện (2 ngành)-K61	74	4	60	1,1	1	1	66,00
	Trần Thị Thảo	2	DHCQ	LT	EE2030	Trường điện từ	102366	Điện (2 ngành)-K61	96	2	30	1,2	1	1	36,00
	Trần Thị Thảo	2	DHCQ	LT	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	102375	Điện (2 ngành)-K61	92	2	30	1,2	1	1	36,00
	Trần Thị Thảo	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	8,00
	Trần Thị Thảo	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	2	9		1	1	1	36,00
	Trần Thị Thảo Total														431,00
38	Trần Văn Tuấn	1	DHCQ	LT	EE3109	Điện tử tương tự và điện tử số	98646	KT Nhiệt Lạnh-K60C	78	2	45	1,1	1	1	49,50
	Trần Văn Tuấn	1	KSCLC	LT	EE4607	Robot công nghiệp	96842	**KSCLC-THCN-K58C	8	3	45	1	1,5	1	67,50
	Trần Văn Tuấn	1	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	669443	Dành cho cử nhân kỹ thuật điện	10	2		1	1	1	40,00
	Trần Văn Tuấn	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99447	VĐ.01,02,03,04-K62S	3	0,25		1	1	1	1,50
	Trần Văn Tuấn	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	21	0,25		1	1	1	10,375
	Trần Văn Tuấn	2	DHCQ	LT	EE2110	Điện tử tương tự	102371	Điện (2 ngành)-K61	117	3	45	1,2	1	1	54,00
	Trần Văn Tuấn	2	DHCQ	LT	EE2110	Điện tử tương tự	102373	Điện (2 ngành)-K61	86	3	45	1,2	1	1	54,00
	Trần Văn Tuấn	2	DHCQ	LT	EE2111	Điện tử tương tự & số	102349	CN ĐK&TĐH-K61	72	4	60	1,1	1	1	66,00
	Trần Văn Tuấn	2	DHCQ	LT	EE2130	Thiết kế hệ thống số	102384	Điện (2 ngành)-K61	80	3	45	1,1	1	1	49,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Trần Văn Tuấn	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	16	2		1	1	1	64,00
	Trần Văn Tuấn	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	3	2		1	1	1	12,00
	Trần Văn Tuấn	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Trần Văn Tuấn	3	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	674549	KT ĐK&TĐH-K59	10	2		1	1	1	60,00
	Trần Văn Tuấn Total														546,38
39	Nguyễn Thị Kim Cúc	1	DHCQ	TN	EE3480	Vi xử lý	2/22 nhóm	Mã lớp 665753 đến 665782	7	3	30	0,5	1	1	15,00
	Nguyễn Thị Kim Cúc	1	DHCQ	TN	EE3480	Vi xử lý	1/22 nhóm	Mã lớp 665753 đến 665782	18	3	15	0,7	1	1	10,50
	Nguyễn Thị Kim Cúc	1	DHCQ	TN	EE3480	Vi xử lý	11/22 nhóm	Mã lớp 665753 đến 665782	19	3	165	0,8	1	1	132,00
	Nguyễn Thị Kim Cúc	1	KSTN	TN	EE3480	Vi xử lý	669747	KSTN-ĐKTĐ-K60	14	3	15	0,6	1,2	1	10,80
	Nguyễn Thị Kim Cúc	2	DHCQ	TN	EE2130	Thiết kế hệ thống số	21 nhóm	Lớp học 102381/82/83/84/85	20	3	315	0,8	1	1	252,00
	Nguyễn Thị Kim Cúc	2	DHCQ	TN	EE2130	Thiết kế hệ thống số	03 nhóm	Lớp học 102381/82/83/84/85	20	3	45	0,8	1	1	36,00
	Nguyễn Thị Kim Cúc	2	DHCQ	TN	EE2111	Điện tử tương tự và số	8 nhóm	Lớp học 102349/50	19	3	120	0,8	1	1	96,00
	Nguyễn Thị Kim Cúc	2	KSCLC	TN	EE3656	Điện tử số	2 nhóm	Lớp học 100135	19	3	30	0,8	1,2	1	28,80
	Nguyễn Thị Kim Cúc Total														581,10
40	Vũ Đức Trọng	1	CTTT	LT	EE3766	Mạch giao diện máy tính	96906	CTTT-CĐT-K58	49	4	75	1,1	2	1	165,00
	Vũ Đức Trọng	1	DHCQ	LT	EE3480	Vi xử lý	97856	KT ĐK&TĐH-K60	68	3	45	1,1	1	1	49,50
	Vũ Đức Trọng	1	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	669452	Chuyên ngành KTĐ&THCN	2	2		1	1	1	8,00
	Vũ Đức Trọng	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	669465	Dành cho chuyên ngành Kỹ thuật đo -THCN	1	9		1	1	1	18,00
	Vũ Đức Trọng	2	DHCQ	LT	EE2110	Điện tử tương tự	102372	Điện (2 ngành)-K61	102	3	45	1,2	1	1	54,00
	Vũ Đức Trọng	2	DHCQ	LT	EE2110	Điện tử tương tự	102374	Điện (2 ngành)-K61	96	3	45	1,2	1	1	54,00
	Vũ Đức Trọng	2	DHCQ	LT	EE2130	Thiết kế hệ thống số	102385	Điện (2 ngành)-K61	101	3	45	1,2	1	1	54,00
	Vũ Đức Trọng	2	CTTT	LT	EE3766	Mạch giao diện máy tính	103139	CTTT-CĐT-K58- BSB	15	4	75	1	2	1	150,00
	Vũ Đức Trọng	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	18	2		1	1	1	72,00
	Vũ Đức Trọng	2	KSCLC	LT	EE4602	Vi xử lý	100124	KSCLC-THCN,HTTT-K59	33	3	45	1	1,5	1	67,50
	Vũ Đức Trọng	2	DHCQ	DA	EE4500	Đồ án chuyên ngành (KTĐ&THCN)	671349	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	8,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Vũ Đức Trọng	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp (KTĐ&THCN)	671286	KT ĐK&TĐH-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Vũ Đức Trọng	3	KSCLC	DA	EE5602	Đồ án tốt nghiệp		KSCLC-THCN-K58	1	10		1	1,5	1	40,00
	Vũ Đức Trọng Total														758,00
41	Bạch Quốc Khánh	1	DHCQ	LT	EE3425	Hệ thống cung cấp điện (BTL)	97836	KT Điện-K60S	31	3	60	1	1	1	60,00
	Bạch Quốc Khánh	1	DHCQ	LT	EE3425	Hệ thống cung cấp điện (BTL)	97837	KT Điện-K60S	90	3	60	1,2	1	1	72,00
	Bạch Quốc Khánh	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99447	VĐ.01,02,03,04-K62S	25	0,25		1	1	1	11,875
	Bạch Quốc Khánh	1	DHCQ	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C	179	3	26	1,4	1	1	36,40
	Bạch Quốc Khánh	2	DHCQ	LT	EE3425	Hệ thống cung cấp điện (BTL)	102414	KT Điện-K60S	84	3	60	1,2	1	1	72,00
	Bạch Quốc Khánh	2	CTTT	LT	EE3420E	Hệ thống cung cấp điện (BTL)	100051	CTTT-ĐKTĐ-K59	16	4	60	1	2	1	120,00
	Bạch Quốc Khánh	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	4	9		1	1	1	72,00
	Bạch Quốc Khánh Total														444,28
42	Lã Minh Khánh	1	DHCQ	LT	EE4114	Quy hoạch phát triển hệ thống điện	97904	TB điện-K58S	42	3	60	1,1	1	1	66,00
	Lã Minh Khánh	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	669712	Dành cho SV chuyên ngành HTĐ	2	9		1	1	1	36,00
	Lã Minh Khánh	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99467	VĐ.05,06,15-K62S	22	0,25		1	1	1	10,75
	Lã Minh Khánh	2	KSCLC	LT	EE3216	Thiết kế và vận hành lưới điện	100122	KSCLC-THCN,HTTT-K59	36	3	45	1	1,5	1	67,50
	Lã Minh Khánh	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	3	9		1	1	1	54,00
	Lã Minh Khánh Total														234,25
43	Lê Thị Minh Châu	1	DHCQ	LT	EE5071	Các nguồn năng lượng tái tạo	97910	Hệ thống điện-K58S	40	2	30	1	1	1	30,00
	Lê Thị Minh Châu	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Lê Thị Minh Châu	1	DHCQ	LT	EE3421	Cung cấp điện	98976	KT Hạt nhân-K58C	32	3	60	1	1	1	60,00
	Lê Thị Minh Châu	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	4	2		1	1	1	16,00
	Lê Thị Minh Châu	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	669712	Dành cho SV chuyên ngành HTĐ	2	9		1	1	1	36,00
	Lê Thị Minh Châu	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	25	0,25		1	1	1	11,875
	Lê Thị Minh Châu	2	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	671275	KT ĐK&TĐH-K59	3	2		1	1	1	12,00
	Lê Thị Minh Châu	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Lê Thị Minh Châu	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	3	9		1	1	1	54,00
	Lê Thị Minh Châu	3	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	674550	KT ĐK&TĐH-K60	2	2		1	1	1	12,00
	Lê Thị Minh Châu	3	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	674554	Điện ĐT Vũng Áng-K59	12	2		1	1	1	72,00
	Lê Thị Minh Châu	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	Điện ĐT Vũng Áng-K59	1	6		1	1	1	18,00
	Lê Thị Minh Châu Total														345,88
44	Đỗ Xuân Khôi	1	DHCQ	LT	EE4115	Ổn định của hệ thống điện	99000	KT Điện K58S	35	2	45	1	1	1	45,00
	Đỗ Xuân Khôi	2	DHCQ	LT	EE4115	Ổn định của hệ thống điện	102401	KT Điện K59	72	2	45	1,1	1	1	49,50
	Đỗ Xuân Khôi Total														94,50
45	Nguyễn Hoàng Việt	1	DHCQ	LT	EE4108	Tối ưu hoá chế độ hệ thống điện	97907	Hệ thống điện-K58S	59	3	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Hoàng Việt	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	2	2		1	1	1	8,00
	Nguyễn Hoàng Việt	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án cử nhân công nghệ	669448	58D1HT	1	6		1	1	1	12,00
	Nguyễn Hoàng Việt	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97711	KTCN-K61C	26	0,25		1	1	1	12,25
	Nguyễn Hoàng Việt	2	DHCQ	LT	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	102341	CN ĐK&TĐH-K60	100	4	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Hoàng Việt	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	3	9		1	1	1	54,00
	Nguyễn Hoàng Việt	3	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	674550	KT ĐK&TĐH-K60	1	2		1	1	1	6,00
	Nguyễn Hoàng Việt	3	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	674554	Điện ĐT Vũng Áng-K59	6	2		1	1	1	36,00
	Nguyễn Hoàng Việt Total														248,25
46	Nguyễn Xuân Tùng	1	DHCQ	LT	EE4040	Bảo vệ và điều khiển HTĐ I	97871	Hệ thống điện-K59C	67	3	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Xuân Tùng	1	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	669454	Dành cho chuyên ngành HTĐ	2	2		1	1	1	8,00
	Nguyễn Xuân Tùng	2	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	671361	KTĐ-K58/59	7	2		1	1	1	28,00
	Nguyễn Xuân Tùng	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	1	9		1	1	1	18,00
	Nguyễn Xuân Tùng	3	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	674555	KTĐ-K58	1	2		1	1	1	6,00
	Nguyễn Xuân Tùng Total														126,00
47	Trần Mạnh Hùng	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	7	2		1	1	1	28,00
	Trần Mạnh Hùng	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	669712	Dành cho SV chuyên ngành HTĐ	1	9		1	1	1	18,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Trần Mạnh Hùng	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99467	VĐ.05,06,15-K62S	21	0,25		1	1	1	10,375
	Trần Mạnh Hùng	2	DHCQ	LT	EE4010	Lưới điện	102418	KTĐ-K60	63	3	60	1,1	1	1	66,00
	Trần Mạnh Hùng	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	3	9		1	1	1	54,00
	Trần Mạnh Hùng	3	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	674550	KTĐ- K58	1	2		1	1	1	6,00
	Trần Mạnh Hùng	3	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	674554	Điện ĐT Hà Tĩnh-K60	6	2		1	1	1	36,00
	Trần Mạnh Hùng Total														218,38
48	Lê Đức Tùng	1	DHCQ	LT	EE5070	Chuyên đề NMD nguyên tử	97909	Hệ thống điện-K58S	50	2	30	1,1	1	1	33,00
	Lê Đức Tùng	1	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	669454	Dành cho chuyên ngành HTĐ	3	2		1	1	1	12,00
	Lê Đức Tùng	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99467	VĐ.05,06,15-K62S	22	0,25		1	1	1	10,75
	Lê Đức Tùng	1	DHCQ	LT	EE4111	Công nghệ phát điện	97753	Kinh tế công nghiệp K59C	55	2	30	1,1	1	1	33,00
	Lê Đức Tùng	1	DHCQ	TN	EE4041	TN Hệ thống điện II (BV&ĐK, NMD&TBA)	669391	Tổ 2	11	1	7,5	0,5	1	3	3,75
	Lê Đức Tùng	1	DHCQ	TN	EE4041	TN Hệ thống điện II (BV&ĐK, NMD&TBA)	669390	Tổ 1	17	1	7,5	0,7	1	2	5,25
	Lê Đức Tùng	1	DHCQ	TN	EE4041	TN Hệ thống điện II (BV&ĐK, NMD&TBA)	669392	Tổ 3	15	1	7,5	0,6	1	4	4,50
	Lê Đức Tùng	2	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	671361	KTĐ-K58/59	8	2		1	1	1	32,00
	Lê Đức Tùng	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	1	9		1	1	1	18,00
	Lê Đức Tùng	2	DHCQ	LT	EE4111	Công nghệ phát điện	102775	Kinh tế công nghiệp-K60	71	2	30	1,1	1	1	33,00
	Lê Đức Tùng	2	DHCQ	LT	EE3160	Phản điện nhà máy điện và trạm biến áp	103205	Bổ sung kỳ 20172	72	3	45	1,1	1	1	49,50
	Lê Đức Tùng	3	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	674555	KTĐ-K58	1	2		1	1	1	6,00
	Lê Đức Tùng Total														240,75
49	Lê Việt Tiến	1	DHCQ	LT	EE3425	Hệ thống cung cấp điện (BTL)	97863	KT ĐK&TĐH-K60	95	3	60	1,2	1	1	72,00
	Lê Việt Tiến	1	DHCQ	LT	EE3425	Hệ thống cung cấp điện (BTL)	97864	KT ĐK&TĐH-K60	95	3	60	1,2	1	1	72,00
	Lê Việt Tiến	1	DHCQ	LT	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	97958	CN ĐK&TĐH-K60	58	4	45	1,1	1	1	49,50
	Lê Việt Tiến	1	DHCQ	TN	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	7 nhóm	Lớp học 97958	13	4	53	0,6	1	1	31,50
	Lê Việt Tiến	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	669712	Dành cho SV chuyên ngành HTĐ (Phon Pheara)	1	9		1	1	1	18,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Lê Việt Tiến	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	669712	Dành cho SV chuyên ngành HTĐ	1	9		1	1	1	18,00
	Lê Việt Tiến	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97711	KTCN-K61C	23	0,25		1	1	1	11,125
	Lê Việt Tiến	2	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102360	ĐT-KT-CNTT-K59	18	0,25		1	1	1	9,00
	Lê Việt Tiến	2	DHCQ	LT	EE3425	Hệ thống cung cấp điện (BTL)	102415	KT Điện-K60S	89	3	60	1,2	1	1	72,00
	Lê Việt Tiến	2	KSTN	LT	EE3420	Hệ thống cung cấp điện (BTL)	99962	KSTN-ĐKTĐ-K60	19	4	60	1	1,5	1	90,00
	Lê Việt Tiến	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	7	2		1	1	1	28,00
	Lê Việt Tiến	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	1	9		1	1	1	18,00
	Lê Việt Tiến	2	KSTN	TN	EE3420	Hệ thống cung cấp điện	1 nhóm	Lớp học 99962	19	4	15	0,8	1,2	1	14,40
	Lê Việt Tiến	2	DHCQ	TN	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	7 nhóm	Lớp học 102341	15	4	53	0,6	1	1	31,50
	Lê Việt Tiến Total														535,03
50	Phạm Năng Văn	1	DHCQ	LT	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	97962	Điện Hà Tĩnh-K60S	35	4	45	1	1	1	45,00
	Phạm Năng Văn	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật (2 sv quốc tế)	2	2		1	1	1	8,00
	Phạm Năng Văn	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	7	2		1	1	1	28,00
	Phạm Năng Văn	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	16	0,25		1	1	1	8,00
	Phạm Năng Văn	1	DHCQ	TN	EE4051	TN Hệ thống điện I (CA I, Lưới điện)	669395	Tổ 1	16	1	15	0,7	1	5	10,50
	Phạm Năng Văn	2	DHCQ	TN	EE4051	TN Hệ thống điện I (CA I, Lưới điện)	1 nhóm	672544	14	1	15	0,6	1	5	9,00
	Phạm Năng Văn	2	DHCQ	TN	EE4051	TN Hệ thống điện I (CA I, Lưới điện)	2 nhóm	672545/46	14	1	30	0,6	1	5	18,00
	Phạm Năng Văn	2	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	671275	KT ĐK&TĐH-K59	3	2		1	1	1	12,00
	Phạm Năng Văn	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	5	9		1	1	1	90,00
	Phạm Năng Văn	3	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	674554	Điện ĐT Hà Tĩnh-K60	11	2		1	1	1	66,00
	Phạm Năng Văn Total														294,50
51	Trương Ngọc Minh	1	DHCQ	LT	EE4112	Nhà máy thủy điện	97731	KTCN-K60S	27	2	30	1	1	1	30,00
	Trương Ngọc Minh	1	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	669454	Dành cho chuyên ngành HTĐ	3	2		1	1	1	12,00
	Trương Ngọc Minh	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	669712	Dành cho SV chuyên ngành HTĐ	2	9		1	1	1	36,00
	Trương Ngọc Minh	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97711	KTCN-K61C	26	0,25		1	1	1	12,25

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Trương Ngọc Minh	2	DHCQ	LT	EE4020	Ngắn mạch trong HTĐ	102419	KTĐ-K60	75	3	60	1,1	1	1	66,00
	Trương Ngọc Minh	2	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	671361	KTĐ-K58/59	7	2		1	1	1	28,00
	Trương Ngọc Minh	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	2	9		1	1	1	36,00
	Trương Ngọc Minh Total														220,25
52	Nguyễn Thị Hoài Thu	1	DHCQ	LT	EE4030	Phân điện nhà máy điện và trạm biến áp	97870	Hệ thống điện-K59C	68	4	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Thị Hoài Thu	1	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	669454	Dành cho chuyên ngành HTĐ	4	2		1	1	1	16,00
	Nguyễn Thị Hoài Thu	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	24	0,25		1	1	1	11,50
	Nguyễn Thị Hoài Thu	2	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	671361	KTĐ-K58/59	8	2		1	1	1	32,00
	Nguyễn Thị Hoài Thu	2	DHCQ	LT	EE4112	Nhà máy thủy điện	102790	KTCN-K61	72	2	30	1,1	1	1	33,00
	Nguyễn Thị Hoài Thu	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	4	9		1	1	1	72,00
	Nguyễn Thị Hoài Thu	3	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	674555	KTĐ-K58	2	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Thị Hoài Thu Total														242,50
53	Đình Quang Huy	1	DHCQ	LT	EE5060	Sử dụng máy tính trong phân tích HTĐ	97906	Hệ thống điện-K58	52	3	60	1,1	1	1	66,00
	Đình Quang Huy Total														66,00
54	Đình Quốc Trí	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	669712	Dành cho SV chuyên ngành HTĐ	2	9		1	1	1	36,00
	Đình Quốc Trí	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99457	VĐ.07,08,09,10-K62S	22	0,25		1	1	1	10,75
	Đình Quốc Trí	2	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102947	ĐT-KT-CNTT-K59	21	0,25		1	1	1	10,375
	Đình Quốc Trí	2	DHCQ	LT	EE4121	ĐL cao áp & kiểm tra không phá hủy	102402	KTĐ-K59	38	2	30	1	1	1	30,00
	Đình Quốc Trí	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	671344	KTĐ-K57/58/59	2	9		1	1	1	36,00
	Đình Quốc Trí Total														123,13
55	Nguyễn Quốc Minh	1	DHCQ	DA	EE4060	Đồ án chuyên ngành (HTĐ)	669454	Dành cho chuyên ngành HTĐ	4	2		1	1	1	16,00
	Nguyễn Quốc Minh	1	DHCQ	LT	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	204	2	15	1,5	1	1	22,50
	Nguyễn Quốc Minh	1	DHCQ	DA	EE1002	Nhập môn công nghệ kỹ thuật điện	97939	CN Kỹ thuật điện-K61C	22	0,25		1	1	1	10,75
	Nguyễn Quốc Minh	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (HTĐ)	669712	Dành cho SV chuyên ngành HTĐ	2	9		1	1	1	36,00
	Nguyễn Quốc Minh	2	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102361	ĐT-KT-CNTT-K59	21	0,25		1	1	1	10,375

[illegible]

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
59	Bùi Đức Hùng	1	DHCQ	LT	EE3140	Máy điện I	97833	KT Điện-K60S	82	3	45	1,2	1	1	54,00
	Bùi Đức Hùng	1	KSTN	LT	EE3140	Máy điện I	96774	KSTN-ĐKTĐ-K60	20	3	45	1	1,5	1	67,50
	Bùi Đức Hùng	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBĐ)	669711	Dành cho chuyên ngành TBĐ	1	9		1	1	1	18,00
	Bùi Đức Hùng	1	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	669455	Dành cho chuyên ngành TBĐ	2	2		1	1	1	8,00
	Bùi Đức Hùng	2	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	671392	KTĐ-K58/59	2	2		1	1	1	8,00
	Bùi Đức Hùng	2	DHCQ	LT	EE4267	Công nghệ chế tạo thiết bị điện	102404	KTĐ-K59	37	3	60	1	1	1	60,00
	Bùi Đức Hùng	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBĐ)	671344	KTĐ-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Bùi Đức Hùng Total														233,50
59	Bùi Minh Định	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98467	Điện tử 1,2-K61C	77	2	15	1,1	1	1	16,50
	Bùi Minh Định	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98468	Điện tử 3,4-K61C	74	2	15	1,1	1	1	16,50
	Bùi Minh Định	1	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	98466	Điện tử 1,2,3,4-K61C	151	2	30	1,3	1	1	39,00
	Bùi Minh Định	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98473	Điện tử 5,6-K61C	72	2	15	1,1	1	1	16,50
	Bùi Minh Định	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98474	Điện tử 7,8-K61C	78	2	15	1,1	1	1	16,50
	Bùi Minh Định	1	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	98472	Điện tử 1,2,3,4-K61C	150	2	30	1,3	1	1	39,00
	Bùi Minh Định	1	DHCQ	BT	EE2014	Kỹ thuật điện	97970	Cơ điện tử 3-K61S	55	4	15	1,1	1	1	16,50
	Bùi Minh Định	1	DHCQ	BT	EE2014	Kỹ thuật điện	97971	Cơ điện tử 4-K61S	43	4	15	1,1	1	1	16,50
	Bùi Minh Định	1	DHCQ	LT	EE2014	Kỹ thuật điện	97969	Điện tử 1,2,3,4-K61C	98	4	45	1,2	1	1	54,00
	Bùi Minh Định	1	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	669455	Dành cho chuyên ngành TBĐ	2	2		1	1	1	8,00
	Bùi Minh Định	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C (3 sv quốc tế)	3	0,25		1	1	1	1,50
	Bùi Minh Định	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C	20	0,25		1	1	1	10,00
	Bùi Minh Định	2	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	101657	Cơ khí CTM-K61	81	2	45	1,2	1	1	54,00
	Bùi Minh Định	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBĐ)	671344	KTĐ-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Bùi Minh Định	3	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	103374	Kỳ hè 20173	100	3	30	1,2	1	1	72,00
	Bùi Minh Định	3	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	103375	Kỳ hè 20173	50	3	15	1,1	1	1	33,00
	Bùi Minh Định	3	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	103376	Kỳ hè 20173	50	3	15	1,1	1	1	33,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Bùi Minh Định Total														460,50
60	Đặng Chí Dũng	1	DHCQ	LT	EE4090	Khí cụ điện cao áp	97873	TB điện-K59C	69	3	45	1,1	1	1	49,50
	Đặng Chí Dũng	1	DHCQ	LT	EE5211	Thiết kế khí cụ điện	97901	TB điện-K58S	80	3	60	1,1	1	1	66,00
	Đặng Chí Dũng	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật (2 sv quốc tế)	2	2		1	1	1	8,00
	Đặng Chí Dũng	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	12	2		1	1	1	48,00
	Đặng Chí Dũng	1	DHCQ	DA	EE1002	Nhập môn công nghệ kỹ thuật điện	97939	CN Kỹ thuật điện-K61C	22	0,25		1	1	1	10,75
	Đặng Chí Dũng	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	4	6		1	1	1	48,00
	Đặng Chí Dũng	1	DHCQ	TN	EE4090	Khí cụ điện cao áp	1/4 nhóm	667009	11	1	15	0,5	1	1	7,50
	Đặng Chí Dũng	1	DHCQ	DA	EE4263	Đồ án khí cụ điện	669457	Dành cho chuyên ngành TBĐ-ĐT	5	2		1	1	1	20,00
	Đặng Chí Dũng	1	DHCQ	TN	EE4090	Khí cụ điện cao áp	3/4 nhóm	667010/11/13	18	1	45	0,7	1	1	31,50
	Đặng Chí Dũng	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	20	2		1	1	1	80,00
	Đặng Chí Dũng	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	11	2		1	1	1	44,00
	Đặng Chí Dũng	2	DHCQ	LT	EE5211	Thiết kế khí cụ điện	102405	KTĐ-K59	34	3	60	1	1	1	60,00
	Đặng Chí Dũng	2	DHCQ	DA	EE4263	Đồ án khí cụ điện	671434	KTĐ-K59	4	2		1	1	1	16,00
	Đặng Chí Dũng	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	6	6		1	1	1	72,00
	Đặng Chí Dũng	3	DHCQ	LT	EE3242	Khí cụ điện	103377	Kỳ hè 20173	33	2	30	1	1	1	60,00
	Đặng Chí Dũng	3	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	674550	Điện 1-K59/60	3	2		1	1	1	18,00
	Đặng Chí Dũng	3	DHCQ	DA	EE4263	Đồ án khí cụ điện	674557	KTĐ-K59	3	2		1	1	1	18,00
	Đặng Chí Dũng	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	Điện ĐT Vũng Áng-K59	2	6		1	1	1	36,00
	Đặng Chí Dũng Total														693,250
61	Đặng Thị Thu	1	DHCQ	TN	EE3140	Máy điện 1	10 nhóm	Lớp 666980/82/84 /85 /86/87/89/91/96/97	18		150	0,7	1	1	105,0
	Đặng Thị Thu	1	DHCQ	TN	EE3140	Máy điện 1	2 nhóm	Lớp 666990/93	18		30	0,7	1	1	21,0
	Đặng Thị Thu	1	DHCQ	TN	EE3140	Máy điện 1	3 nhóm	Lớp học 667000/001/002	18		45	0,7	1	1	31,5
	Đặng Thị Thu	1	DHCQ	TN	EE3140	Máy điện 1	1 nhóm	Lớp 6669788	19		15	0,8	1	1	12,0

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Đặng Thị Thu	1	DHCQ	TN	EE3140	Máy điện 1	4 nhóm	Lớp 666979/81/83/94	19		60	0,8	1	1	48,0
	Đặng Thị Thu	1	DHCQ	TN	EE3140	Máy điện 1	1 nhóm	Lớp học 666992	20		15	0,8	1	1	12,0
	Đặng Thị Thu	1	KSTN	TN	EE3140	Máy điện 1	1 nhóm	Lớp học 6667004	17		15	0,7	1,2	1	12,6
	Đặng Thị Thu	1	DHCQ	TN	EE3140	Máy điện 1	1 nhóm	Lớp học 666995	22		15	0,8	1	1	12,0
	Đặng Thị Thu	1	DHCQ	TN	EE3140	Máy điện 1	1 nhóm	Lớp học 666999	17		15	0,7	1	1	10,5
	Đặng Thị Thu	1	KSCLC	TN	EE3196	Máy điện	1 nhóm	Lớp học 667006	17		15	0,7	1,2	1	12,6
	Đặng Thị Thu	1	KSCLC	TN	EE3196	Máy điện	1 nhóm	Lớp học 699941	14		15	0,6	1,2	1	10,8
	Đặng Thị Thu	2	DHCQ	TN	EE3140	Máy điện 1	3 nhóm	Lớp học 102408	15	3	45	0,6	1	1	27,0
	Đặng Thị Thu	2	DHCQ	TN	EE3141	Máy điện cơ sở	11 nhóm	Lớp học 102356/357	15	3	165	0,6	1	1	99,0
	Đặng Thị Thu	2	DHCQ	TN	EE3141	Máy điện cơ sở	2 nhóm	Lớp học 102356/357	15	3	30	0,6	1	1	18,0
	Đặng Thị Thu	2	CTTT	TN	EE3140E	Máy điện 1	1 nhóm	Lớp học 100050	7	3	15	0,5	1,5	1	11,3
	Đặng Thị Thu	2	CTTT	TN	EE3140E	Máy điện 1	1 nhóm	Lớp học 100050	14	3	15	0,6	1,5	1	13,5
	Đặng Thị Thu Total														456,750
62	Đặng Quốc Vương	1	DHCQ	LT	EE3140	Máy điện I	97846	KT ĐK&TĐH-K60	85	3	45	1,2	1	1	54,00
	Đặng Quốc Vương	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TĐ)	669711	Dành cho chuyên ngành TĐ	1	9		1	1	1	18,00
	Đặng Quốc Vương	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	3	6		1	1	1	36,00
	Đặng Quốc Vương	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99457	VĐ.07,08,09,10-K62S	23	0,25		1	1	1	11,125
	Đặng Quốc Vương	2	DHCQ	LT	EE3141	Máy điện cơ sở	102357	CN KTĐ-K61	93	3	45	1,2	1	1	54,00
	Đặng Quốc Vương	2	CTTT	LT	EE3140E	Máy điện	100050	CTTT-ĐKTĐ-K59	21	3	45	1	2	1	90,00
	Đặng Quốc Vương	2	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	671275	KT ĐK&TĐH-K59	3	2		1	1	1	12,00
	Đặng Quốc Vương	2	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	671392	KTĐ-K58/59	2	2		1	1	1	8,00
	Đặng Quốc Vương	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	3	6		1	1	1	36,00
	Đặng Quốc Vương	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TĐ)	671344	KTĐ-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Đặng Quốc Vương	3	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	674556	KTĐ-K59	1	2		1	1	1	6,00
	Đặng Quốc Vương	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	Điện ĐT Vũng Áng-K59	3	6		1	1	1	54,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Đặng Quốc Vương Total														397,125
63	Nguyễn Bích Liên	1	DHCQ	BT	EE2010	Kỹ thuật điện	98785	Dệt-Da giày-K61S	92	3	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Bích Liên	1	DHCQ	BT	EE2010	Kỹ thuật điện	98786	May-K61S	91	3	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Bích Liên	1	DHCQ	LT	EE2010	Kỹ thuật điện	98784	Dệt may-da giày -K61S	183	3	30	1,4	1	1	42,00
	Nguyễn Bích Liên	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98860	CKDL,Hàng không,Tàu thủy-K61S	89	2	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Bích Liên	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98861	CKDL,Hàng không,Tàu thủy-K61S	50	2	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Bích Liên	1	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	98859	CKDL,Hàng không,Tàu thủy-K61S	139	2	30	1,3	1	1	39,00
	Nguyễn Bích Liên	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98876	CN CNKT ô tô-K61S	69	2	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Bích Liên	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98877	CN CNKT ô tô-K61S	62	2	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Bích Liên	1	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	98875	CN CNKT ô tô-K61S	131	2	30	1,3	1	1	39,00
	Nguyễn Bích Liên	1	ICT	LT	EE2018	Electrical Engineering	93277	*ICT-K60S	22	3	45	1	2	1	90,00
	Nguyễn Bích Liên	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99457	VĐ.07,08,09,10-K62S	23	0,25		1	1	1	11,125
	Nguyễn Bích Liên	2	DHCQ	LT	EE2010	Kỹ thuật điện	102923	KT Dệt may-Da giày-K61	75	3	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Bích Liên	2	DHCQ	LT	EE2010	Kỹ thuật điện	102925	KT Dệt may-Da giày-K61	80	3	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Bích Liên	3	DHCQ	LT	EE2010	Kỹ thuật điện	103370	Kỳ hè 20173	81	3	45	1,2	1	1	108,00
	Nguyễn Bích Liên Total														531,625
64	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	97995	KT cơ khí CTM-K61S	87	2	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	97996	KT cơ khí CTM-K61S	78	2	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	97994	KT cơ khí CTM-K61S	165	2	30	1,4	1	1	42,00
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98187	CN CTM 1-K61S	66	2	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98188	CN CTM 2-K61S	40	2	15	1	1	1	15,00
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	98186	CN CTM -K61S	106	2	30	1,2	1	1	36,00
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98577	CN ĐTVT 1-K61C	77	2	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98578	CN ĐTVT 2-K61C	76	2	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	98576	CN ĐTVT -K61C	153	2	30	1,3	1	1	39,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	BT	EE2014	Kỹ thuật điện	97967	Cơ điện tử 1-K61S	70	4	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	BT	EE2014	Kỹ thuật điện	97968	Cơ điện tử 2-K61S	51	4	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	LT	EE2014	Kỹ thuật điện	97966	Cơ điện tử - K61S	121	4	45	1,3	1	1	58,50
	Nguyễn Nga Việt	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	2	2		1	1,5	1	12,00
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	4	2		1	1	1	16,00
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	2	6		1	1	1	24,00
	Nguyễn Nga Việt	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99467	VĐ.05,06,15-K62S	21	0,25		1	1	1	10,375
	Nguyễn Nga Việt	2	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	101656	Cơ khí CTM-K61	80	2	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Nga Việt	2	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	101658	Cơ khí CTM-K61	83	2	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Nga Việt Total														473,375
65	Nguyễn Thanh Sơn	1	DHCQ	LT	EE2016	Kỹ thuật điện, điện tử	97663	VL kim loại-K61S	40	3	60	1	1	1	60,00
	Nguyễn Thanh Sơn	1	DHCQ	LT	EE4070	Điều khiển thiết bị điện	97872	TB điện-K59C	26	3	45	1	1	1	45,00
	Nguyễn Thanh Sơn	1	DHCQ	LT	EE4207	Thiết kế thiết bị điều khiển	97902	TB điện-K58S	26	3	60	1	1	1	60,00
	Nguyễn Thanh Sơn	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	3	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Thanh Sơn	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TĐ)	669711	Dành cho chuyên ngành TĐ	1	9		1	1	1	18,00
	Nguyễn Thanh Sơn	1	DHCQ	DA	EE4262	Đồ án thiết bị điều khiển	669456	Dành cho chuyên ngành TĐ-ĐT	5	2		1	1	1	20,00
	Nguyễn Thanh Sơn	1	DHCQ	TN	EE4070	Điều khiển thiết bị điện	2 nhóm	667028/29	13	1	30	0,6	1	1	18,00
	Nguyễn Thanh Sơn	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	21	0,25		1	1	1	10,375
	Nguyễn Thanh Sơn	2	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	101655	Cơ khí CTM-K61	80	2	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Thanh Sơn	2	DHCQ	DA	EE4263	Đồ án khí cụ điện	671434	KTĐ-K59	5	2		1	1	1	20,00
	Nguyễn Thanh Sơn	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TĐ)	671344	KTĐ-K58	2	9		1	1	1	36,00
	Nguyễn Thanh Sơn Total														348,88
66	Nguyễn Thế Công	1	DHCQ	LT	EE2016	Kỹ thuật điện, điện tử	97662	VL kim loại-K61S	78	3	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Thế Công	1	DHCQ	LT	EE2016	Kỹ thuật điện, điện tử	97664	VL kim loại-K61S	77	3	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Thế Công	1	KSTN	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	96808	KSTN-ĐTVT-K61	31	2	45	1	1,5	1	67,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Thế Công	1	KSCLC	LT	EE3646	Cơ sở điện tử công suất	96871	**KSCLC-THCN, HTTT&TT-K59S	31	2	30	1	1,5	1	45,00
	Nguyễn Thế Công	2	DHCQ	LT	EE2014	Kỹ thuật điện	101538	Cơ điện tử -K61	32	4	60	1	1	1	60,00
	Nguyễn Thế Công	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBD)	671344	KTĐ-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Nguyễn Thế Công Total														322,50
67	Nguyễn Văn Ánh	1	DHCQ	LT	EE3242	Khí cụ điện	97840	KT Điện-K60S	81	2	30	1,2	1	1	36,00
	Nguyễn Văn Ánh	1	DHCQ	LT	EE3242	Khí cụ điện	97865	KT ĐK&TĐH-K60	83	2	30	1,2	1	1	36,00
	Nguyễn Văn Ánh	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98686	KT Sinh học-Thực phẩm-K61S	103	2	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Văn Ánh	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	98687	KT Sinh học-Thực phẩm-K61S	100	2	15	1,2	1	1	18,00
	Nguyễn Văn Ánh	1	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	98685	KT Sinh học-Thực phẩm-K61S	203	2	30	1,5	1	1	45,00
	Nguyễn Văn Ánh	1	DHCQ	DA	EE4263	Đồ án khí cụ điện	669457	Dành cho chuyên ngành TBD-ĐT	4	2		1	1	1	16,00
	Nguyễn Văn Ánh	1	DHCQ	LT	EE4231	Bảo dưỡng công nghiệp	97960	CN ĐK&TĐH-K60	45	2	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Văn Ánh	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBD)	669711	Dành cho chuyên ngành TBD	1	9		1	1	1	18,00
	Nguyễn Văn Ánh	1	DHCQ	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97711	KTCN-K61C	99	3	4	1,2	1	1	4,80
	Nguyễn Văn Ánh	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	1	6		1	1	1	12,00
	Nguyễn Văn Ánh	1	DHCQ	DA	EE1002	Nhập môn công nghệ kỹ thuật điện	97939	CN Kỹ thuật điện-K61C	24	0,25		1	1	1	11,50
	Nguyễn Văn Ánh	2	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102361	ĐT-KT-CNTT-K59	20	0,25		1	1	1	10,00
	Nguyễn Văn Ánh	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	4	2		1	1	1	16,00
	Nguyễn Văn Ánh	2	DHCQ	LT	EE4231	Bảo dưỡng công nghiệp	102344	CN ĐK&TĐH-K60	97	2	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Văn Ánh	2	DHCQ	LT	EE4231	Bảo dưỡng công nghiệp	102345	CN ĐK&TĐH-K60	58	2	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Văn Ánh	2	DHCQ	DA	EE4263	Đồ án khí cụ điện	671434	KTĐ-K59	3	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Văn Ánh	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	5	6		1	1	1	60,00
	Nguyễn Văn Ánh	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBD)	671344	KTĐ-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Nguyễn Văn Ánh	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	58D1HT	3	6		1	1	1	54,00
	Nguyễn Văn Ánh Total														538,30
68	Nguyễn Vũ Thanh	1	DHCQ	BT	EE2010	Kỹ thuật điện	97629	Vật lý kỹ thuật 01-K61C	60	3	15	1,1	1	1	16,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Vũ Thanh	1	DHCQ	BT	EE2010	Kỹ thuật điện	97630	Vật lý kỹ thuật 02-K61C	42	3	15	1,1	1	1	16,50
	Nguyễn Vũ Thanh	1	DHCQ	LT	EE2010	Kỹ thuật điện	97628	Vật lý kỹ thuật 01,02 - K61	102	3	30	1,2	1	1	36,00
	Nguyễn Vũ Thanh	1	DHCQ	LT	EE3140	Máy điện I	97847	KT ĐK&TĐH-K60	85	3	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Vũ Thanh	1	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	669446	Dành cho cử nhân công nghệ	13	2		1	1	1	52,00
	Nguyễn Vũ Thanh	1	DHCQ	DA	EE4262	Đồ án thiết bị điều khiển	669456	Dành cho chuyên ngành TBD-ĐT	3	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Vũ Thanh	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99447	VĐ.01,02,03,04-K62S	25	0,25		1	1	1	11,875
	Nguyễn Vũ Thanh	2	DHCQ	LT	EE3140	Máy điện I	102408	KTĐ-K60	44	3	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Vũ Thanh	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	8	2		1	1	1	32,00
	Nguyễn Vũ Thanh	2	DHCQ	LT	EE4211	Thiết kế máy điện (BTL)	102403	KTĐ-K59	30	3	60	1	1	1	60,00
	Nguyễn Vũ Thanh	2	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	671392	KTĐ-K58/59	2	2		1	1	1	8,00
	Nguyễn Vũ Thanh	2	DHCQ	DA	EE4263	Đồ án khí cụ điện	671434	KTĐ-K59	3	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Vũ Thanh	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBD)	671344	KTĐ-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Nguyễn Vũ Thanh	3	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	674556	KTĐ-K59	1	2		1	1	1	6,00
	Nguyễn Vũ Thanh Total														384,38
69	Lê Xuân Nghĩa	1	DHCQ	TN	EE2010	Kỹ Thuật Điện	15 nhóm	Lớp TN 666915/16/17/18/19/20/21 /22/23/24/47/48/49/50/51	20	1	225	0,8	1	1	180,00
	Lê Xuân Nghĩa	1	DHCQ	TN	EE2010	Kỹ Thuật Điện	1 nhóm	Lớp TN 666952	5	1	15	0,5	1	1	7,50
	Lê Xuân Nghĩa	1	KSTN	TN	EE2010	Kỹ Thuật Điện	1 nhóm	Lớp KSTN Hóa dầu - 666939	20	1	15	0,8	1,2	1	14,40
	Lê Xuân Nghĩa	1	DHCQ	TN	EE2014	Kỹ Thuật Điện	20/21 nhóm	từ 666925 đến 666946	20	1	300	0,8	1	1	240,00
	Lê Xuân Nghĩa	1	DHCQ	TN	EE2014	Kỹ Thuật Điện	1/21 nhóm	từ 666925 đến 666946	8	1	15	0,5	1	1	7,50
	Lê Xuân Nghĩa	3	DHCQ	TN	EE2010	Kỹ thuật điện	4 nhóm	Kỳ hè 20173 (lớp học 103370)	20	3	60	0,8	1	1	96,00
	Lê Xuân Nghĩa Total														545,40
70	Phạm Hùng Phi	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	97992	KT cơ khí CTM-K61S	83	2	15	1,2	1	1	18,00
	Phạm Hùng Phi	1	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	97993	KT cơ khí CTM-K61S	81	2	15	1,2	1	1	18,00
	Phạm Hùng Phi	1	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	97991	KT cơ khí CTM-K61S	164	2	30	1,4	1	1	42,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Phạm Hùng Phi	1	KSTN	LT	EE2010	Kỹ thuật điện	96817	KSTN-VLKT-K61	27	3	45	1	1,5	1	67,50
	Phạm Hùng Phi	1	KSTN	LT	EE2010	Kỹ thuật điện	97056	KSTN Hóa dầu-K60	15	3	45	1	1,5	1	67,50
	Phạm Hùng Phi	1	DHCQ	LT	EE4082	Kỹ thuật chiếu sáng	97874	TB điện-K59C	31	3	60	1	1	1	60,00
	Phạm Hùng Phi	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBD)	669711	Dành cho chuyên ngành TBD	3	9		1	1	1	54,00
	Phạm Hùng Phi	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C	23	0,25		1	1	1	11,125
	Phạm Hùng Phi	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Phạm Hùng Phi Total														350,13
71	Phạm Minh Tú	1	DHCQ	LT	EE3140	Máy điện I	97832	KT Điện-K60S	85	3	45	1,2	1	1	54,00
	Phạm Minh Tú	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99467	VĐ.05,06,15-K62S	19	0,25		1	1	1	9,50
	Phạm Minh Tú	2	DHCQ	LT	EE3141	Máy điện cơ sở	102356	CN KTĐ-K61	98	3	45	1,2	1	1	54,00
	Phạm Minh Tú	2	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	671392	KTĐ-K58/59	2	2		1	1	1	8,00
	Phạm Minh Tú	3	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	674556	KTĐ-K59	1	2		1	1	1	6,00
	Phạm Minh Tú Total														131,50
72	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE3242	Khí cụ điện	97841	KT Điện-K60S	57	2	30	1,1	1	1	33,00
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE3091	Khí cụ điện	97964	Điện Hà Tĩnh-K60S	33	2	30	1	1	1	30,00
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE4241	Hệ thống cung cấp điện cho các tòa nhà	97905	TB điện-K58S	48	2	45	1,1	1	1	49,50
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	4	2		1	1	1	16,00
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBD)	669711	Dành cho chuyên ngành TBD	1	9		1	1	1	18,00
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE1002	Nhập môn công nghệ kỹ thuật điện	97939	CN Kỹ thuật điện-K61C	69	2	2	1,1	1	1	2,20
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE1000	Nhập môn CN KT ĐK và TĐH	97945	CN ĐK&TĐH-K61	120	3	2	1,2	1	1	2,40
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE1024	Nhập môn ngành điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	204	2	2	1,5	1	1	3,00
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99457	VĐ.07,08,09,10-K62S	202	2	2	1,5	1	1	3,00
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99467	VĐ.05,06,15-K62S	149	2	2	1,3	1	1	2,60
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99447	VĐ.01,02,03,04-K62S	198	2	2	1,4	1	1	2,80
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C	179	2	2	1,4	1	1	2,80

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	DA	EE4263	Đồ án khí cụ điện	669457	Dành cho chuyên ngành TBĐ-ĐT	4	2		1	1	1	16,00
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	LT	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	330	3	2	1,5	1	1	3,00
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C	1	0,25		1	1	1	0,50
	Phùng Anh Tuấn	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C	21	0,25		1	1	1	10,375
	Phùng Anh Tuấn	2	DHCQ	LT	EE3091	Khí cụ điện	102406	KTĐ-K60	37	2	30	1	1	1	30,00
	Phùng Anh Tuấn	2	DHCQ	LT	EE3242	Khí cụ điện	102409	KTĐ-K60	81	2	30	1,2	1	1	36,00
	Phùng Anh Tuấn	2	DHCQ	DA	EE4263	Đồ án khí cụ điện	671434	KTĐ-K59	2	2		1	1	1	8,00
	Phùng Anh Tuấn	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	4	6		1	1	1	48,00
	Phùng Anh Tuấn	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBĐ)	671344	KTĐ-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Phùng Anh Tuấn Total														335,18
73	Trần Tuấn Vũ	1	DHCQ	BT	EE2014	Kỹ thuật điện	98202	CN Cơ điện tử 1-K61S	63	4	15	1,1	1	1	16,50
	Trần Tuấn Vũ	1	DHCQ	BT	EE2014	Kỹ thuật điện	98203	CN Cơ điện tử 2-K61S	67	4	15	1,1	1	1	16,50
	Trần Tuấn Vũ	1	DHCQ	BT	EE2014	Kỹ thuật điện	98204	CN Cơ điện tử 3-K61S	50	4	15	1,1	1	1	16,50
	Trần Tuấn Vũ	1	DHCQ	LT	EE3140	Máy điện I	97849	KT ĐK&TĐH-K60	85	3	45	1,2	1	1	54,00
	Trần Tuấn Vũ	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBĐ)	669711	Dành cho chuyên ngành TBĐ	1	9		1	1	1	18,00
	Trần Tuấn Vũ	1	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	669455	Dành cho chuyên ngành TBĐ	2	2		1	1	1	8,00
	Trần Tuấn Vũ	1	DHCQ	LT	EE2014	Kỹ thuật điện	98201	CN Cơ điện tử 1-K61S	180	4	45	1,4	1	1	63,00
	Trần Tuấn Vũ	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	24	0,25		1	1	1	11,50
	Trần Tuấn Vũ	2	DHCQ	LT	EE2010	Kỹ thuật điện	102924	KT Dệt may-Da giày-K61	77	3	45	1,1	1	1	49,50
	Trần Tuấn Vũ	2	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	671392	KTĐ-K58/59	3	2		1	1	1	12,00
	Trần Tuấn Vũ	2	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBĐ)	671344	KTĐ-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Trần Tuấn Vũ	3	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	674556	KTĐ-K59	1	2		1	1	1	6,00
	Trần Tuấn Vũ Total														289,50
74	Triệu Việt Linh	1	KSCLC	LT	EE3196	Máy điện	96873	**KSCLC-THCN, HTTT&TT-K59S	31	3	45	1	1,5	1	67,50
	Triệu Việt Linh	1	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBĐ)	669711	Dành cho chuyên ngành TBĐ	1	9		1	1	1	18,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Triệu Việt Linh	1	DHCQ	LT	EE4204	Máy điện trong thiết bị tự động và điều khiển	99002	BS-TB điện-K58S	26	3	60	1	1	1	60,00
	Triệu Việt Linh	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99467	VĐ.05,06,15-K62S	22	0,25		1	1	1	10,75
	Triệu Việt Linh	2	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102360	ĐT-KT-CNTT-K59	20	0,25		1	1	1	10,00
	Triệu Việt Linh	2	DHCQ	LT	EE4080	Máy điện II (BTL)	102421	KTĐ-K60	95	3	60	1,2	1	1	72,00
	Triệu Việt Linh	2	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	671392	KTĐ-K58/59	4	2		1	1	1	16,00
	Triệu Việt Linh	3	DHCQ	DA	EE4261	Đồ án thiết kế máy điện	674556	KTĐ-K59	1	2		1	1	1	6,00
	Triệu Việt Linh	3	DHCQ	DA	EE5010	Đồ án tốt nghiệp (TBĐ)		KTĐ-K55	1	9		1	1	1	27,00
	Triệu Việt Linh Total														287,25
75	Nguyễn Thanh Hương	1	DHCQ	TN	EE3242	Khí cụ điện	11/15nhóm	666955/956/957/958/960/962/ 963/965/966/967/972	14	1	165	0,6	1	1	99,00
	Nguyễn Thanh Hương	1	DHCQ	TN	EE3242	Khí cụ điện	1/19 nhóm	666.959	14	1	15	0,6	1	1	9,00
	Nguyễn Thanh Hương	1	DHCQ	TN	EE3242	Khí cụ điện	1/19 nhóm	666968	16	1	15	0,7	1	1	10,50
	Nguyễn Thanh Hương	1	DHCQ	TN	EE3242	Khí cụ điện	1/19 nhóm	Lớp TN bổ sung	15	1	15	0,6	1	1	9,00
	Nguyễn Thanh Hương	1	DHCQ	TN	EE3242	Khí cụ điện	1/19 nhóm	668774	11	1	15	0,5	1	1	7,50
	Nguyễn Thanh Hương	1	DHCQ	TN	EE3091	Khí cụ điện	2/3 nhóm	666973/976	10	1	30	0,5	1	1	15,00
	Nguyễn Thanh Hương	1	DHCQ	TN	EE3091	Khí cụ điện	1/3 nhóm	666977	14	1	15	0,6	1	1	9,00
	Nguyễn Thanh Hương	1	DHCQ	TN	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	5/7 nhóm	669381/669387/669382/ 669384/669386	14	1	75	0,6	1	1	45,00
	Nguyễn Thanh Hương	1	DHCQ	TN	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	2/7 nhóm	669380;669385	12	1	30	0,5	1	1	15,00
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3242	Khí cụ điện	1	673380	17		15	0,7	1	1	10,50
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3242	Khí cụ điện	1	673394	17		15	0,7	1	1	10,50
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3242	Khí cụ điện	3	673384/673389/673390	16		45	0,7	1	1	31,50
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3242	Khí cụ điện	1	673392	15		15	0,6	1	1	9,00
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3242	Khí cụ điện	8	673381/382/383/385/386/387/388/391	14		120	0,6	1	1	72,00
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3091	Khí cụ điện	2	673395/673396	10		30	0,5	1	1	15,00
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3091	Khí cụ điện	1	673398	6		15	0,5	1	1	7,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3091	Khí cụ điện	2	673397/673552	5		30	0,5	1	1	15,00
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	1	672531	17		7,5	0,7	1	1	5,25
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	3	672532/672533/672534	18		22,5	0,7	1	1	15,75
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	1	672530	15		7,5	0,6	1	1	4,50
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	1	672537	8		7,5	0,5	1	1	3,75
	Nguyễn Thanh Hương	2	DHCQ	TN	EE3423	Hệ thống cung cấp điện	1	672536	6		7,5	0,5	1	1	3,75
	Nguyễn Thanh Hương	2	CTTT	TN	EE3420E	Hệ thống cung cấp điện	1	672539+bổ sung 3SV	17		15,0	0,7	1,5	1	15,75
	Nguyễn Thanh Hương	2	KSTN	TN	EE3420	Hệ thống cung cấp điện	1	672541	12		15,0	0,5	1,2	1	9,00
	Nguyễn Thanh Hương	2	KSTN	TN	EE3420	Hệ thống cung cấp điện	1	672542	9		15,0	0,5	1,2	1	9,00
	Nguyễn Thanh Hương	3	DHCQ	TN	EE3242	Khí cụ điện	2 nhóm	Kỳ hè 20173 (lớp học 103377)	17	2	30	0,7	1	1	42,00
	Nguyễn Thanh Hương Total														498,75
76	Hoàng Anh	2	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102947	ĐT-KT-CNTT-K59	21	0,25		1	1	1	10,38
	Hoàng Anh	2	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102947	ĐT-KT-CNTT-K59	1	0,25		1	1	1	0,50
	Hoàng Anh	2	DHCQ	LT	EE3242	Khí cụ điện	102410	KTĐ-K60	70	2	30	1,1	1	1	33,00
	Hoàng Anh	2	DHCQ	LT	EE3242	Khí cụ điện	102411	KTĐ-K60	65	2	30	1,1	1	1	33,00
	Hoàng Anh	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	6	2		1	1	1	24,00
	Hoàng Anh	2	DHCQ	LT	EE4241	Hệ thống cung cấp điện cho các tòa nhà	102391	KTĐ-K58	57	2	45	1,1	1	1	49,50
	Hoàng Anh	2	DHCQ	DA	EE4263	Đồ án khí cụ điện	671434	KTĐ-K59	2	2		1	1	1	8,00
	Hoàng Anh	3	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	674550	Điện 2-K59/60	6	2		1	1	1	36,00
	Hoàng Anh	3	DHCQ	DA	EE4263	Đồ án khí cụ điện	674557	KTĐ-K59	2	2		1	1	1	12,00
	Hoàng Anh Total														206,38
77	Phạm Hùng Dũng	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	13	2		1	1	1	52,00
	Phạm Hùng Dũng	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	1	2		1	1	1	4,00
	Phạm Hùng Dũng	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	14	2		1	1	1	56,00
	Phạm Hùng Dũng	2	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102360	ĐT-KT-CNTT-K59	18	0,25		1	1	1	9,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Phạm Hùng Dũng	2	ICT	LT	EE2010	Kỹ thuật điện	100986	VN-K61	160	3	45	1,3	2	1	117,00
	Phạm Hùng Dũng	3	DHCQ	LT	EE2012	Kỹ thuật điện	103371	Kỳ hè 20173	101	3	30	1,2	1	1	72,00
	Phạm Hùng Dũng	3	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	103372	Kỳ hè 20173	51	3	15	1,1	1	1	33,00
	Phạm Hùng Dũng	3	DHCQ	BT	EE2012	Kỹ thuật điện	103373	Kỳ hè 20173	50	3	15	1,1	1	1	33,00
	Phạm Hùng Dũng Total														376,00
78	Đỗ Mạnh Cường	1	DHCQ	LT	EE3410	Điện tử công suất	97853	KT ĐK&TĐH-K60	75	3	45	1,1	1	1	49,50
	Đỗ Mạnh Cường	1	DHCQ	LT	EE3410	Điện tử công suất	97834	KT Điện-K60S	88	3	45	1,2	1	1	54,00
	Đỗ Mạnh Cường	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	12	2		1	1	1	48,00
	Đỗ Mạnh Cường	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	6	9		1	1	1	108,00
	Đỗ Mạnh Cường	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	4	2		1	1	1	16,00
	Đỗ Mạnh Cường	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	1	6		1	1	1	12,00
	Đỗ Mạnh Cường	1	KSTN	DA	EE3820	Đồ án II	96743	KSTN-ĐKTĐ-K59	4	2		1	1,5	1	24,00
	Đỗ Mạnh Cường	1	DHCQ	LT	EE1000	Nhập môn CN KT ĐK và TĐH	97945	CN ĐK&TĐH-K61	120	3	4	1,2	1	1	4,80
	Đỗ Mạnh Cường	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99457	VĐ.07,08,09,10-K62S	23	0,25		1	1	1	11,125
	Đỗ Mạnh Cường	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	20	2		1	1	1	80,00
	Đỗ Mạnh Cường	2	DHCQ	LT	EE3410	Điện tử công suất	102412	KTĐ-K60	76	3	45	1,1	1	1	49,50
	Đỗ Mạnh Cường	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	5	2		1	1	1	20,00
	Đỗ Mạnh Cường	2	DHCQ	LT	EE4316	Mô hình hóa và mô phỏng	102424	KT ĐK&TĐH-K58	36	2	45	1	1	1	45,00
	Đỗ Mạnh Cường	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	5	9		1	1	1	90,00
	Đỗ Mạnh Cường Total														611,93
79	Đỗ Trọng Hiếu	1	DHCQ	LT	EE4220	Điều khiển logic và PLC	97877	KT ĐK&TĐH-K59	61	3	60	1,1	1	1	66,00
	Đỗ Trọng Hiếu	1	DHCQ	LT	EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	97956	CN ĐK&TĐH-K60	70	3	30	1,1	1	1	33,00
	Đỗ Trọng Hiếu	1	DHCQ	LT	EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	97957	CN ĐK&TĐH-K60	80	3	30	1,1	1	1	33,00
	Đỗ Trọng Hiếu	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	15	2		1	1	1	60,00
	Đỗ Trọng Hiếu	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	5	9		1	1	1	90,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Đỗ Trọng Hiếu	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	3	2		1	1	1	12,00
	Đỗ Trọng Hiếu	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	2	6		1	1	1	24,00
	Đỗ Trọng Hiếu	1	DHCQ	LT	EE1000	Nhập môn CN KT ĐK và TĐH	97945	CN ĐK&TĐH-K61	120		16	1,2	1	1	19,20
	Đỗ Trọng Hiếu	1	DHCQ	DA	EE1000	Nhập môn CN KT ĐK và TĐH	97945	CN ĐK&TĐH-K61	24	0,25		1	1	1	11,50
	Đỗ Trọng Hiếu	2	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	102361	ĐT-KT-CNTT-K59	20	0,25		1	1	1	10,00
	Đỗ Trọng Hiếu	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	14	2		1	1	1	56,00
	Đỗ Trọng Hiếu	2	DHCQ	LT	EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	102343	CN ĐK&TĐH-K60	113	3	30	1,2	1	1	36,00
	Đỗ Trọng Hiếu	2	DHCQ	LT	EE4220	Điều khiển logic và PLC	101479	Cơ điện tử-K59	78	3	60	1,1	1	1	66,00
	Đỗ Trọng Hiếu	2	KSTN	LT	EE4220	Điều khiển logic và PLC	99925	KSTN-Cơ ĐT-K59	12	3	60	1	1,5	1	90,00
	Đỗ Trọng Hiếu	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	8	2		1	1	1	32,00
	Đỗ Trọng Hiếu	2	CTTT	DA	EE4910E	Đồ án thiết kế	100046	CTTT-ĐĐT-K59	1	3		1	2	1	12,00
	Đỗ Trọng Hiếu	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	4	6		1	1	1	48,00
	Đỗ Trọng Hiếu	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	4	9		1	1	1	72,00
	Đỗ Trọng Hiếu	3	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	674550	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	12,00
	Đỗ Trọng Hiếu	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K58	1	6		1	1	1	18,00
	Đỗ Trọng Hiếu Total														800,70
80	Lê Minh Hà	1	DHCQ	LT	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy CN	97888	TĐH-K59C	69	3	60	1,1	1	1	66,00
	Lê Minh Hà	1	DHCQ	LT	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy CN	97890	TĐH-K59C	76	3	60	1,1	1	1	66,00
	Lê Minh Hà	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	10	2		1	1	1	40,00
	Lê Minh Hà	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	1	9		1	1	1	18,00
	Lê Minh Hà	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	2	2		1	1	1	8,00
	Lê Minh Hà	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	2	6		1	1	1	24,00
	Lê Minh Hà	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97810	TĐH-K61C	24	0,25		1	1	1	11,50
	Lê Minh Hà	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	9	2		1	1	1	36,00
	Lê Minh Hà	2	DHCQ	LT	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy CN	102431	KT ĐK&TĐH-K59	38	3	60	1	1	1	60,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Lê Minh Hà	2	DHCQ	LT	EE4310	Trang bị điện-điện tử các máy CN	102346	CN ĐK&TĐH-K60	80	3	45	1,1	1	1	49,50
	Lê Minh Hà	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	7	2		1	1	1	28,00
	Lê Minh Hà	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	3	6		1	1	1	36,00
	Lê Minh Hà	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	2	9		1	1	1	36,00
	Lê Minh Hà Total														479,00
81	Nguyễn Danh Huy	1	DHCQ	LT	EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong TĐH	97887	TĐH-K59C	87	3	60	1,2	1	1	72,00
	Nguyễn Danh Huy	1	DHCQ	LT	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng (BTL)	97892	TĐH-K59C	39	3	45	1	1	1	45,00
	Nguyễn Danh Huy	1	DHCQ	DA	EE3811	Đồ án I	669445	Dành cho cử nhân công nghệ	12	2		1	1	1	48,00
	Nguyễn Danh Huy	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	8	2		1	1	1	32,00
	Nguyễn Danh Huy	1	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	669446	Dành cho cử nhân công nghệ	13	2		1	1	1	52,00
	Nguyễn Danh Huy	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	9	9		1	1	1	162,00
	Nguyễn Danh Huy	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	5	2		1	1	1	20,00
	Nguyễn Danh Huy	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99457	VĐ.07,08,09,10-K62S	22	0,25		1	1	1	10,75
	Nguyễn Danh Huy	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	3	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Danh Huy	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	10	2		1	1	1	40,00
	Nguyễn Danh Huy	2	DHCQ	LT	EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong TĐH	102443	KT ĐK&TĐH-K59	39	3	60	1	1	1	60,00
	Nguyễn Danh Huy	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	9	2		1	1	1	36,00
	Nguyễn Danh Huy	2	DHCQ	LT	EE4360	PLC và mạng công nghiệp	101465	CN Cơ ĐT-K60	61	2	30	1,1	1	1	33,00
	Nguyễn Danh Huy	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	4	6		1	1	1	48,00
	Nguyễn Danh Huy	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	5	9		1	1	1	90,00
	Nguyễn Danh Huy	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K58/59	3	6		1	1	1	54,00
	Nguyễn Danh Huy	3	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	674725	KT ĐK&TĐH-K56	1	9		1	1	1	27,00
	Nguyễn Danh Huy Total														841,75
82	Nguyễn Hồng Quang	1	DHCQ	LT	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng (BTL)	97891	TĐH-K59C	75	3	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Hồng Quang	1	DHCQ	LT	EE3481	Vi điều khiển và ứng dụng (BTL)	97961	Điện Hà Tĩnh-K60S	53	3	45	1,1	1	1	49,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Hồng Quang	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	10	2		1	1	1	40,00
	Nguyễn Hồng Quang	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	6	9		1	1	1	108,00
	Nguyễn Hồng Quang	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	2	2		1	1	1	8,00
	Nguyễn Hồng Quang	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	1	6		1	1	1	12,00
	Nguyễn Hồng Quang	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C	20	0,25		1	1	1	10,00
	Nguyễn Hồng Quang	2	DHCQ	LT	EE4530	Thiết kế hệ thống TĐH	102428	KT ĐK&TĐH-K59	58	2	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Hồng Quang	2	DHCQ	LT	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng (BTL)	102441	KT ĐK&TĐH-K59	55	3	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Hồng Quang	2	DHCQ	LT	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng (BTL)	102442	KT ĐK&TĐH-K59	84	3	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Hồng Quang	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	17	2		1	1	1	68,00
	Nguyễn Hồng Quang	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	8	2		1	1	1	32,00
	Nguyễn Hồng Quang	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Nguyễn Hồng Quang	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	6	9		1	1	1	108,00
	Nguyễn Hồng Quang Total														650,00
83	Nguyễn Huy Phương	1	DHCQ	LT	EE3339	Điều khiển và tự động hóa QTSX	98326	KT In và Truyền thông-K60C	38	3	60	1	1	1	60,00
	Nguyễn Huy Phương	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	3	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Huy Phương	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	4	9		1	1	1	72,00
	Nguyễn Huy Phương	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	1	6		1	1	1	12,00
	Nguyễn Huy Phương	2	DHCQ	LT	EE3550	Điều khiển quá trình	102467	KT ĐK&TĐH-K60	80	3	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Huy Phương	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	5	2		1	1	1	20,00
	Nguyễn Huy Phương	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Nguyễn Huy Phương	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	4	9		1	1	1	72,00
	Nguyễn Huy Phương Total														309,50
84	Nguyễn Kiên Trung	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	12	2		1	1	1	48,00
	Nguyễn Kiên Trung	1	DHCQ	LT	EE3410	Điện tử công suất	97835	KT Điện-K60S	90	3	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Kiên Trung	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	3	9		1	1	1	54,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Kiên Trung	2	CTTT	LT	EE3410E	Điện tử công suất	100048	CTTT-ĐKTĐ-K59	20	3	45	1	2	1	90,00
	Nguyễn Kiên Trung	2	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	671275	KT ĐK&TĐH-K59	7	2		1	1	1	28,00
	Nguyễn Kiên Trung	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	10	2		1	1	1	40,00
	Nguyễn Kiên Trung	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	1	9		1	1	1	18,00
	Nguyễn Kiên Trung	3	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	674550	KT ĐK&TĐH-K59	4	2		1	1	1	24,00
	Nguyễn Kiên Trung	3	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	674554	CN ĐK&TĐH-K60	5	2		1	1	1	30,00
	Nguyễn Kiên Trung	3	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	674552	KT ĐK&TĐH-K59	3	2		1	1	1	18,00
	Nguyễn Kiên Trung	3	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	674725	KT ĐK&TĐH-K56	1	9		1	1	1	27,00
	Nguyễn Kiên Trung Total														431,00
85	Nguyễn Mạnh Tiến	1	DHCQ	LT	EE4325	Hệ thống TĐH nhà máy xi măng	97921	TĐH-K58S	89	2	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Mạnh Tiến	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	10	9		1	1	1	180,00
	Nguyễn Mạnh Tiến	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	3	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Mạnh Tiến	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	14	2		1	1	1	56,00
	Nguyễn Mạnh Tiến	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	4	6		1	1	1	48,00
	Nguyễn Mạnh Tiến	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C	23	0,25		1	1	1	11,125
	Nguyễn Mạnh Tiến	2	DHCQ	LT	EE4325	Hệ thống TĐH nhà máy xi măng	102426	KT ĐK&TĐH-K58	104	2	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Mạnh Tiến	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	11	2		1	1	1	44,00
	Nguyễn Mạnh Tiến	2	DHCQ	LT	EE4341	Kỹ thuật Robot (BTL)	102435	KT ĐK&TĐH-K59	123	3	60	1,3	1	1	78,00
	Nguyễn Mạnh Tiến	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Nguyễn Mạnh Tiến	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	9	9		1	1	1	162,00
	Nguyễn Mạnh Tiến Total														711,13
86	Nguyễn Phạm Thục Anh	1	DHCQ	LT	EE4330	Hệ thống SX TĐH tích hợp máy tính	97918	TĐH-K58S	50	3	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Phạm Thục Anh	1	DHCQ	LT	EE4341	Kỹ thuật Robot (BTL)	97913	TĐH-K58S	109	3	60	1,2	1	1	72,00
	Nguyễn Phạm Thục Anh	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	12	2		1	1	1	48,00
	Nguyễn Phạm Thục Anh	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	5	9		1	1	1	90,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Phạm Thục Anh	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	2	2		1	1	1	8,00
	Nguyễn Phạm Thục Anh	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99447	VĐ.01,02,03,04-K62S	3	0,25		1	1	1	1,50
	Nguyễn Phạm Thục Anh	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	22	0,25		1	1	1	10,75
	Nguyễn Phạm Thục Anh	2	DHCQ	LT	EE4330	Hệ thống SX TĐH tích hợp máy tính	102427	KT ĐK&TĐH-K58	47	3	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Phạm Thục Anh	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	9	2		1	1	1	36,00
	Nguyễn Phạm Thục Anh	2	DHCQ	LT	EE4341	Kỹ thuật Robot (BTL)	103134	Bổ sung kỳ 20172	77	3	60	1,1	1	1	66,00
	Nguyễn Phạm Thục Anh	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Nguyễn Phạm Thục Anh	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	5	9		1	1	1	90,00
	Nguyễn Phạm Thục Anh	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	18,00
	Nguyễn Phạm Thục Anh Total														551,25
87	Nguyễn Quang Dịch	1	DHCQ	LT	EE4423	Thiết bị khí nén và thủy lực trong TĐH	97886	TĐH-K59C	96	3	60	1,2	1	1	72,00
	Nguyễn Quang Dịch	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	5	9		1	1	1	90,00
	Nguyễn Quang Dịch	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	3	6		1	1	1	36,00
	Nguyễn Quang Dịch	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	3	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Quang Dịch	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	20	0,25		1	1	1	10,00
	Nguyễn Quang Dịch	2	DHCQ	LT	EE3510	Truyền động điện	102463	KT ĐK&TĐH-K60	74	3	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Quang Dịch	2	DHCQ	LT	EE3510	Truyền động điện	102465	KT ĐK&TĐH-K60	104	3	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Quang Dịch	2	KSTN	LT	EE3510	Truyền động điện	99963	KSTN-ĐKTĐ-K60	19	3	45	1	1,5	1	67,50
	Nguyễn Quang Dịch	2	DHCQ	DA	EE3810	Đồ án I	671248	KT ĐK&TĐH-K60	3	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Quang Dịch	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	10	2		1	1	1	40,00
	Nguyễn Quang Dịch	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	2	6		1	1	1	24,00
	Nguyễn Quang Dịch	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	2	9		1	1	1	36,00
	Nguyễn Quang Dịch Total														503,00
88	Nguyễn Tùng Lâm	1	DHCQ	LT	EE4540	Điều khiển máy CNC	97920	TĐH-K58S	70	2	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Tùng Lâm	1	DHCQ	LT	EE3539	Truyền động điện	98071	Cơ điện tử-K59	69	2	45	1,1	1	1	49,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Nguyễn Tùng Lâm	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	13	2		1	1	1	52,00
	Nguyễn Tùng Lâm	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	7	9		1	1	1	126,00
	Nguyễn Tùng Lâm	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	3	2		1	1	1	12,00
	Nguyễn Tùng Lâm	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	3	6		1	1	1	36,00
	Nguyễn Tùng Lâm	2	DHCQ	LT	EE4540	Điều khiển máy CNC	102429	KT ĐK&TĐH-K58	96	2	45	1,2	1	1	54,00
	Nguyễn Tùng Lâm	2	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	671275	KT ĐK&TĐH-K59	5	2		1	1	1	20,00
	Nguyễn Tùng Lâm	2	DHCQ	LT	EE3539	Truyền động điện	101476	Cơ điện tử-K59	80	2	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Tùng Lâm	2	DHCQ	LT	EE3539	Truyền động điện	101477	Cơ điện tử-K59	80	2	45	1,1	1	1	49,50
	Nguyễn Tùng Lâm	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	9	2		1	1	1	36,00
	Nguyễn Tùng Lâm	2	CTTT	DA	EE4910E	Đồ án thiết kế	100046	CTTT-ĐĐT-K59	1	3		1	2	1	12,00
	Nguyễn Tùng Lâm	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Nguyễn Tùng Lâm	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	6	9		1	1	1	108,00
	Nguyễn Tùng Lâm	3	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	674550	KT ĐK&TĐH-K59	4	2		1	1	1	24,00
	Nguyễn Tùng Lâm	3	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	674554	CN ĐK&TĐH-K60	4	2		1	1	1	24,00
	Nguyễn Tùng Lâm	3	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	674552	KT ĐK&TĐH-K59	1	2		1	1	1	6,00
	Nguyễn Tùng Lâm	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K59	2	6		1	1	1	36,00
	Nguyễn Tùng Lâm Total														756,00
89	Phạm Việt Phương	1	DHCQ	LT	EE3410	Điện tử công suất	97852	KT ĐK&TĐH-K60	92	3	45	1,2	1	1	54,00
	Phạm Việt Phương	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	7	9		1	1	1	126,00
	Phạm Việt Phương	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	4	2		1	1	1	16,00
	Phạm Việt Phương	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	1	6		1	1	1	12,00
	Phạm Việt Phương	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99457	VĐ.07,08,09,10-K62S	24	0,25		1	1	1	11,50
	Phạm Việt Phương	2	DHCQ	LT	EE3410	Điện tử công suất	102413	KTĐ-K60	35	3	45	1	1	1	45,00
	Phạm Việt Phương	2	DHCQ	LT	EE3511	Truyền động điện	102359	CN KTĐ-K61	44	3	45	1,1	1	1	49,50
	Phạm Việt Phương	2	KSTN	LT	EE3539	Truyền động điện	99926	KSTN-CĐT-K59	12	2	45	1	1,5	1	67,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Phạm Việt Phương	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	9	2		1	1	1	36,00
	Phạm Việt Phương	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Phạm Việt Phương	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	5	9		1	1	1	90,00
	Phạm Việt Phương	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K59/60	2	6		1	1	1	36,00
	Phạm Việt Phương	3	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	674725	KT ĐK&TĐH-K56	2	9		1	1	1	54,00
	Phạm Việt Phương Total														609,50
90	Phan Thị Huyền Châu	1	DHCQ	LT	EE4220	Điều khiển logic và PLC	97878	KT ĐK&TĐH-K59	100	3	60	1,2	1	1	72,00
	Phan Thị Huyền Châu	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	13	2		1	1	1	52,00
	Phan Thị Huyền Châu	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	4	9		1	1	1	72,00
	Phan Thị Huyền Châu	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	2	2		1	1	1	8,00
	Phan Thị Huyền Châu	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	3	6		1	1	1	36,00
	Phan Thị Huyền Châu	1	DHCQ	LT	EE4220	Điều khiển logic và PLC	97876	KT ĐK&TĐH-K59	95	3	60	1,2	1	1	72,00
	Phan Thị Huyền Châu	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành điện	99477	VĐ.11,12,13,14-K62S	21	0,25		1	1	1	10,375
	Phan Thị Huyền Châu	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	6	2		1	1	1	24,00
	Phan Thị Huyền Châu	2	DHCQ	LT	EE4360	PLC và mạng công nghiệp	101466	CN Cơ ĐT-K60	70	2	30	1,1	1	1	33,00
	Phan Thị Huyền Châu	2	DHCQ	LT	EE4220	Điều khiển logic và PLC	101478	Cơ ĐT-K59	43	3	60	1,1	1	1	66,00
	Phan Thị Huyền Châu	2	CTTT	LT	EE4220E	Điều khiển logic và PLC	100049	CTTT-ĐKTĐ-K59	14	2	30	1	2	1	60,00
	Phan Thị Huyền Châu	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	10	2		1	1	1	40,00
	Phan Thị Huyền Châu	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	3	6		1	1	1	36,00
	Phan Thị Huyền Châu	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	4	9		1	1	1	72,00
	Phan Thị Huyền Châu	3	DHCQ	LT	EE4220	Điều khiển logic và PLC	103381	Kỳ hè 20173	35	3	60	1	1	1	120,00
	Phan Thị Huyền Châu Total														773,38
91	Tạ Cao Minh	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	11	2		1	1	1	44,00
	Tạ Cao Minh	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	5	9		1	1	1	90,00
	Tạ Cao Minh	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	4	2		1	1	1	16,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Tạ Cao Minh	2	DHCQ	LT	EE3510	Truyền động điện	102464	KT ĐK&TĐH-K60	100	3	45	1,2	1	1	54,00
	Tạ Cao Minh	2	DHCQ	LT	EE3510	Truyền động điện	102466	KT ĐK&TĐH-K60	113	3	45	1,2	1	1	54,00
	Tạ Cao Minh	2	DHCQ	LT	EE4347	Điều khiển truyền động điện	102436	KT ĐK&TĐH-K59	111	3	60	1,2	1	1	72,00
	Tạ Cao Minh	2	CTTT	LT	EE3510E	Truyền động điện	100047	CTTT-ĐKTĐ-K59	20	3	45	1	2	1	90,00
	Tạ Cao Minh	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	10	2		1	1	1	40,00
	Tạ Cao Minh	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Tạ Cao Minh	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	7	9		1	1	1	126,00
	Tạ Cao Minh	3	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	674552	KT ĐK&TĐH-K59	1	2		1	1	1	6,00
	Tạ Cao Minh Total														604,00
92	Tạ Duy Hà	1	DHCQ	LT	EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	97953	CN ĐK&TĐH-K60	64	4	45	1,1	1	1	49,50
	Tạ Duy Hà	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	14	2		1	1	1	56,00
	Tạ Duy Hà	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	2	2		1	1	1	8,00
	Tạ Duy Hà	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	3	6		1	1	1	36,00
	Tạ Duy Hà	1	DHCQ	DA	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	97799	KT Điện-K61C	21	0,25		1	1	1	10,375
	Tạ Duy Hà	2	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	671275	KT ĐK&TĐH-K59	6	2		1	1	1	24,00
	Tạ Duy Hà	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	4	2		1	1	1	16,00
	Tạ Duy Hà	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Tạ Duy Hà	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	2	9		1	1	1	36,00
	Tạ Duy Hà Total														247,88
93	Trần Trọng Minh	1	DHCQ	LT	EE3410	Điện tử công suất	97851	KT ĐK&TĐH-K60	96	3	45	1,2	1	1	54,00
	Trần Trọng Minh	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	16	2		1	1	1	64,00
	Trần Trọng Minh	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	8	9		1	1	1	144,00
	Trần Trọng Minh	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	3	2		1	1	1	12,00
	Trần Trọng Minh	2	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	671275	KT ĐK&TĐH-K59	3	2		1	1	1	12,00
	Trần Trọng Minh	2	DHCQ	LT	EE4336	Thiết kế hệ thống điều khiển ĐTCS	102434	KT ĐK&TĐH-K59	67	2	45	1,1	1	1	49,50

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Trần Trọng Minh	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	10	2		1	1	1	40,00
	Trần Trọng Minh	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	3	6		1	1	1	36,00
	Trần Trọng Minh	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	3	9		1	1	1	54,00
	Trần Trọng Minh Total														465,50
94	Võ Duy Thành	1	DHCQ	LT	EE4300	Hệ thống thu thập DL và ĐK bằng máy tính	97916	TĐH-K58S	48	3	60	1,1	1	1	66,00
	Võ Duy Thành	1	DHCQ	LT	EE4422	Vi điều khiển và ứng dụng (BTL)	97893	TĐH-K59C	86	3	45	1,2	1	1	54,00
	Võ Duy Thành	1	DHCQ	DA	EE3811	Đồ án I	669445	Dành cho cử nhân công nghệ	8	2		1	1	1	32,00
	Võ Duy Thành	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	22	2		1	1	1	86,00
	Võ Duy Thành	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	5	9		1	1	1	90,00
	Võ Duy Thành	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	4	2		1	1	1	16,00
	Võ Duy Thành	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	3	6		1	1	1	36,00
	Võ Duy Thành	2	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	671276	CN ĐK&TĐH-K60	12	2		1	1	1	48,00
	Võ Duy Thành	2	DHCQ	LT	EE4300	Hệ thống thu thập DL và ĐK bằng máy tính	102423	KT ĐK&TĐH-K58	13	3	60	1	1	1	60,00
	Võ Duy Thành	2	DHCQ	LT	EE3481	Vi điều khiển và ứng dụng (BTL)	102354	CN ĐK&TĐH-K61	81	3	45	1,2	1	1	54,00
	Võ Duy Thành	2	DHCQ	LT	EE3481	Vi điều khiển và ứng dụng (BTL)	102353	CN ĐK&TĐH-K61	74	3	45	1,1	1	1	49,50
	Võ Duy Thành	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	15	2		1	1	1	60,00
	Võ Duy Thành	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Võ Duy Thành	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	8	9		1	1	1	144,00
	Võ Duy Thành Total														807,50
95	Võ Minh Chính	1	DHCQ	LT	EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	97954	CN ĐK&TĐH-K60	84	4	45	1,2	1	1	54,00
	Võ Minh Chính	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	5	9		1	1	1	90,00
	Võ Minh Chính	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	5	6		1	1	1	60,00
	Võ Minh Chính	1	KSTN	LT	EE3410	Điện tử công suất	96775	KSTN-ĐKTĐ-K60	23	3	45	1	1,5	1	67,50
	Võ Minh Chính	2	DHCQ	LT	EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	102339	CN ĐK&TĐH-K60	72	4	45	1,1	1	1	49,50
	Võ Minh Chính	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	8,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Võ Minh Chính	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Võ Minh Chính	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K57	2	6		1	1	1	36,00
	Võ Minh Chính Total														377,00
96	Vũ Hoàng Phương	1	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	669444	Dành cho cử nhân kỹ thuật	5	2		1	1	1	20,00
	Vũ Hoàng Phương	1	DHCQ	LT	EE3410	Điện tử công suất	97850	KT ĐK&TĐH-K60	94	3	45	1,2	1	1	54,00
	Vũ Hoàng Phương	1	DHCQ	LT	EE4336	Thiết kế hệ thống điều khiển ĐTCS	97915	TĐH-K58S	73	2	45	1,1	1	1	49,50
	Vũ Hoàng Phương	1	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	669446	Dành cho cử nhân công nghệ	12	2		1	1	1	48,00
	Vũ Hoàng Phương	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	9	9		1	1	1	162,00
	Vũ Hoàng Phương	1	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	669451	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	3	2		1	1	1	12,00
	Vũ Hoàng Phương	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	2	6		1	1	1	24,00
	Vũ Hoàng Phương	1	DHCQ	DA	EE1024	Nhập môn ngành Điện	99447	VĐ.01,02,03,04-K62S	24	0,25		1	1	1	11,50
	Vũ Hoàng Phương	2	DHCQ	LT	EE3412	Điện tử công suất	102358	CN KTĐ-K61	22	3	45	1	1	1	45,00
	Vũ Hoàng Phương	2	DHCQ	LT	EE4336	Thiết kế hệ thống điều khiển ĐTCS	102433	CN ĐK&TĐH-K59	98	2	45	1,2	1	1	54,00
	Vũ Hoàng Phương	2	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	671348	KT ĐK&TĐH-K59	10	2		1	1	1	40,00
	Vũ Hoàng Phương	2	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	671346	CN ĐK&TĐH-K58/59	1	6		1	1	1	12,00
	Vũ Hoàng Phương	2	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	671284	KT ĐK&TĐH-K58	6	9		1	1	1	108,00
	Vũ Hoàng Phương	3	DHCQ	DA	EE3820	Đồ án II	674550	KT ĐK&TĐH-K59	4	2		1	1	1	24,00
	Vũ Hoàng Phương	3	DHCQ	DA	EE3821	Đồ án II	674554	CN ĐK&TĐH-K60	3	2		1	1	1	18,00
	Vũ Hoàng Phương	3	DHCQ	DA	EE4340	Đồ án chuyên ngành (TĐH)	674552	KT ĐK&TĐH-K59	2	2		1	1	1	12,00
	Vũ Hoàng Phương	3	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	674456	CN ĐK&TĐH-K59	4	6		1	1	1	72,00
	Vũ Hoàng Phương Total														766,00
97	Vũ Thụy Nguyên	1	DHCQ	LT	EE4240	Trang bị điện-điện tử các máy CN	97889	TĐH-K59C	59	3	60	1,1	1	1	66,00
	Vũ Thụy Nguyên	1	DHCQ	LT	EE4310	Trang bị điện-điện tử các máy CN	97959	CN ĐK&TĐH-K60	26	3	45	1	1	1	45,00
	Vũ Thụy Nguyên	1	DHCQ	DA	EE5020	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư (TĐH)	669464	Dành cho chuyên ngành Tự động hóa CN	4	9		1	1	1	72,00
	Vũ Thụy Nguyên	1	DHCQ	DA	EE4900	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	669448	Dành cho cử nhân công nghệ	2	6		1	1	1	24,00

[illegible]

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ DT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
99	Trần Thị Kim Bích	1	DHCQ	TN	EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	13 nhóm	lớp học 97953/54	13	1	195	0,6	1	1	117,00
	Trần Thị Kim Bích	1	DHCQ	TN	EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	14 nhóm	Lớp học 97957	13	1	210	0,6	1	1	126,00
	Trần Thị Kim Bích	2	DHCQ	TN	EE4225	Điều khiển PLC và mạng công nghiệp	8 nhóm	Lớp học 102343	14	3	120	0,6	1	1	72,00
	Trần Thị Kim Bích	2	DHCQ	TN	EE4360	PLC và mạng công nghiệp	10 nhóm	Lớp học 101465/101466	13	2	150	0,6	1	1	90,00
	Trần Thị Kim Bích	2	DHCQ	TN	EE3411	Hệ thống biến đổi điện cơ	7 nhóm	lớp học 102339	10	4	105	0,5	1	1	52,50
	Trần Thị Kim Bích Total														457,50
100	Vũ Quang Hưng	1	DHCQ	TN	EE3510	Truyền động điện	3 nhóm	Nhóm thí nghiệm 667277/79/80	11	1	45	0,5	1	1	22,50
	Vũ Quang Hưng	1	DHCQ	TN	EE3410	Điện tử công suất	3 nhóm	Nhóm TN 667199/218/202	13	1	45	0,6	1	1	27,00
	Vũ Quang Hưng	1	DHCQ	TN	EE3410	Điện tử công suất	22 nhóm	Nhóm TN 667196 đến 667220	13	1	330	0,6	1	1	198,00
	Vũ Quang Hưng	1	KSTN	TN	EE3410	Điện tử công suất	669755	KSTN-ĐKTĐ-K60	13	1	15	0,6	1,2	1	10,80
	Vũ Quang Hưng	1	KSTN	TN	EE3410	Điện tử công suất	669758	KSTN-ĐKTĐ-K60	8	1	15	0,5	1,2	1	9,00
	Vũ Quang Hưng	2	DHCQ	TN	EE3510	Truyền động điện	19 nhóm	Lớp học 102463/64/65/66	10	3	285	0,5	1	1	142,50
	Vũ Quang Hưng	2	DHCQ	TN	EE3510	Truyền động điện	14 nhóm	Lớp học 102463/64/65/66	14	3	210	0,6	1	1	126,00
	Vũ Quang Hưng	2	DHCQ	TN	EE3510	Truyền động điện	1 nhóm	Lớp học 102463/64/65/66	16	3	15	0,7	1	1	10,50
	Vũ Quang Hưng	2	KSTN	TN	EE3510	Truyền động điện	1 nhóm	KSTN-ĐKTĐ-K60	19	3	15	0,8	1,2	1	14,40
	Vũ Quang Hưng	2	CTTT	TN	EE3510E	Truyền động điện	2 nhóm	CTTT-ĐKTĐ-K59	10	3	30	0,5	1,5	1	22,50
	Vũ Quang Hưng	2	DHCQ	TN	EE3511	Truyền động điện	2 nhóm	Lớp học 102359	14	3	30	0,6	1	1	18,00
	Vũ Quang Hưng	2	DHCQ	TN	EE3511	Truyền động điện	1 nhóm	Lớp học 102359	17	3	15	0,7	1	1	10,50
	Vũ Quang Hưng Total														611,70
101	Hà Quang Thịnh	1	DHCQ	TN	EE3110	Kỹ thuật đo lường	12/24 nhóm	665783 đến 665807	20	1	180	0,8	1	1	144,00
	Hà Quang Thịnh	1	DHCQ	TN	EE3110	Kỹ thuật đo lường	4/24 nhóm	Tổ 04	17	1	60	0,7	1	1	42,00
	Hà Quang Thịnh	1	DHCQ	TN	EE3509	Kỹ thuật đo lường	665828	Tổ 01	20	1	15	0,8	1	1	12,00
	Hà Quang Thịnh	1	KSTN	TN	EE3110	Kỹ thuật đo lường	669746	KSTN-ĐKTĐ-K60	19	1	15	0,8	1,2	1	14,40
	Hà Quang Thịnh	1	DHCQ	TN	EE4608	Đo và điều khiển công nghiệp	669191	Tổ 01	10	1	15	0,5	1	1	7,50
	Hà Quang Thịnh	2	DHCQ	TN	EE2200	Hệ thống và thiết bị đo	1 nhóm	Lớp học 102351/52	19	3	15	0,8	1	1	12,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Hà Quang Thịnh	2	DHCQ	TN	EE3111	Kỹ thuật đo lường	3 nhóm	Lớp học 102355	14	2	45	0,6	1	1	27,00
	Hà Quang Thịnh	2	CTTT	TN	EE3110E	Kỹ thuật đo lường	2 nhóm	Lớp học 100073	19	3	30	0,8	1,5	1	36,00
	Hà Quang Thịnh	2	DHCQ	TN	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	10 nhóm	Lớp học 102395/96/97	19	3	150	0,8	1	1	120,00
	Hà Quang Thịnh	2	DHCQ	TN	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	1 nhóm	Lớp học 102395/96/97	11	3	15	0,5	1	1	7,50
	Hà Quang Thịnh	2	KSTN	TN	EE3600	Hệ thống đo và điều khiển công nghiệp	1 nhóm	Lớp học 99965	19	3	15	0,8	1,2	1	14,40
	Hà Quang Thịnh Total														436,80
102	Đào Kim Thịnh	1	DHCQ	TN	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	7/30 nhóm	669401 đến 669430	23	1	105	0,8	1	1	84,00
	Đào Kim Thịnh	1	DHCQ	TN	EE1024	Nhập môn ngành Điện	10/32 nhóm	99823 đến 99857	23	1	150	0,8	1	1	120,00
	Đào Kim Thịnh	2	DHCQ	TN	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	1 nhóm	Lớp học 102360	17	2	15	0,7	1	1	10,50
	Đào Kim Thịnh	2	DHCQ	TN	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	3 nhóm	Lớp học 102360	19	2	45	0,8	1	1	36,00
	Đào Kim Thịnh Total														250,50
103	Nguyễn Huy Thiện	1	DHCQ	TN	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	3/30 nhóm	669416, 669421,669424	20	1	45	0,8	1	1	36,00
	Nguyễn Huy Thiện	1	DHCQ	TN	EE1024	Nhập môn ngành Điện	1/32 nhóm	99856	24	1	15	0,8	1	1	12,00
	Nguyễn Huy Thiện	1	DHCQ	TN	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	20/30 nhóm	669401 đến 669430	21	1	300	0,8	1	1	240,00
	Nguyễn Huy Thiện	1	KSTN	TN	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	669722	KSTN-ĐKTĐ-K61	29	1	15	0,8	1,2	1	14,40
	Nguyễn Huy Thiện	1	DHCQ	TN	EE1024	Nhập môn ngành Điện	10/32 nhóm	99823 đến 99857	23	1	150	0,8	1	1	120,00
	Nguyễn Huy Thiện	1	DHCQ	TN	EE1002	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	669437		16	1	15	0,7	1	1	10,50
	Nguyễn Huy Thiện	1	DHCQ	TN	EE1002	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	669438		20	1	15	0,8	1	1	12,00
	Nguyễn Huy Thiện	1	DHCQ	TN	EE1002	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	669439		21	1	15	0,8	1	1	12,00
	Nguyễn Huy Thiện	1	DHCQ	TN	EE1002	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	669440		10	1	15	0,5	1	1	7,50
	Nguyễn Huy Thiện	2	DHCQ	TN	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	1 nhóm	Lớp học 102947	17	2	15	0,7	1	1	10,50
	Nguyễn Huy Thiện	2	DHCQ	TN	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	3 nhóm	Lớp học 102947	16	2	60	0,7	1	1	42,00
	Nguyễn Huy Thiện Total														516,90
104	Phạm Hồng Thái	1	DHCQ	TN	EE3410	Điện tử công suất	15 nhóm	Nhóm TN 667221 đến 667235	13	1	225	0,6	1	1	135,00
	Phạm Hồng Thái	2	DHCQ	TN	EE3410	Điện tử công suất	8 nhóm	Lớp học 102412/413	14	3	120	0,6	1	1	72,00

THÔNG TIN CÁN BỘ		KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯA QUY ĐỔI										KHỐI LƯỢNG ĐÃ QUY ĐỔI			
TT	Họ tên cán bộ	HK	Hệ ĐT	Loại giờ	Mã học phần	Tên học phần	Mã lớp	Ghi chú lớp, nhóm	Số SV	Số TC	Số giờ	kL	kC	TT duyệt	Giờ quy đổi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
	Phạm Hồng Thái	2	CTTT	TN	EE3410E	Điện tử công suất	2 nhóm	Lớp học 100048	10	3	30	0,5	1,5	1	22,50
	Phạm Hồng Thái	2	DHCQ	TN	EE3412	Điện tử công suất	2 nhóm	Lớp học 102358	14	3	30	0,6	1	1	18,00
	Phạm Hồng Thái Total														247,50
105	Vũ Chí Thành	1	DHCQ	TN	EE1000	Nhập môn CN KT ĐK và TĐH	6 nhóm	669431 đến 669436	20	1	90	0,8	1	1	72,00
	Vũ Chí Thành	1	DHCQ	TN	EE1024	Nhập môn ngành Điện	11/32 nhóm	99823 đến 99857	23	1	165	0,8	1	1	132,00
	Vũ Chí Thành	2	DHCQ	TN	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	1 nhóm	Lớp học 102361	13	2	15	0,6	1	1	9,00
	Vũ Chí Thành	2	DHCQ	TN	EE1010	Nhập môn kỹ thuật ngành điện	3 nhóm	Lớp học 102361	16	2	45	0,7	1	1	31,50
	Vũ Chí Thành Total														244,50
106	Phạm Hồng Hải	2	DHCQ	TN	EE2120	Lý thuyết mạch điện II	14 nhóm	Lớp học 102375/76/77/78/79/80	19	2	210	0,8	1	1	168,00
	Phạm Hồng Hải Total														168,00
	Grand Total														52.415,95

PHÒNG ĐÀO TẠO

Ngày 08 tháng 08 năm 2018
LÃNH ĐẠO VIỆN

dk dk

dk

dk

dk

dk

dk

dk

 dk dk

dk

dk

dk

 dk

dk

 dk

dk

 dk

dk

 dk dk

dk dk

dk dk

dk dk

dk dk

dk dk

dk dk

dk dk

dk dk

dk dk

dk

dk

dk

dk

dk

dk

dk

dk

dl

dl

dl

dl

dl

dl

dl

dl

dl

dl

dl

dl

dl

dl

dl

dl

dl

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

dl

dl

dl

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

htd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

thd

thd

thd

thd

thd

thd

thd

thd

thd

thd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

4.1.1

4.1.1

1.1

4.1.1

4.1.1

111

1 1

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tbd

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

 tdh |

tdh

tdh

 tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh | tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

 tdh |

tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh |

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh |

tdh

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh | tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

 tdh |

tdh

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh | tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

 tdh |

tdh

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh | tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

 tdh |

tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

 tdh |

tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

 tdh |

tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh | tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh | tdh |

tdh

 tdh |

tdh

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh |

tdh

tdh

 tdh |

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh

 tdh | tdh | tdh | tdh |

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

tdh

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTÐ

TTTHKTĐ

TTTHKTĐ

TTTHKTĐ

TTTHKTĐ

TTTHKTĐ

TTTHKTĐ

TTTHKTĐ

TTTHKTĐ

TTTHKTĐ

TTTHKTĐ

--

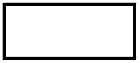
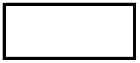
--

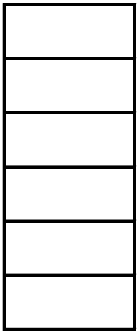


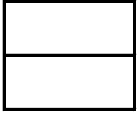




--









--

--

--

--











--











--



--







